Signature Not Verified
Được ký bởi NGUYỄN THỊ MINH CHÂU
Ngày ký: 30.03.2017 08:21

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

Tên tổ chức niêm yết: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Tên viết tắt: VINARE

Năm báo cáo: 2016

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi các Quý cổ đông,

Năm 2016, năm đầu cả nước thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm hơn dự báo, thương mại toàn cầu giảm mạnh, giá cả hàng hóa thế giới ở mức thấp đã ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế Việt Nam, nhất là đối với hoạt động xuất nhập khẩu và thu ngân sách nhà nước. Tăng trưởng GDP chỉ đạt 6,21% so với năm 2015 và thấp hơn so với chỉ tiêu đề ra. Nguyên nhân chính là do một số ngành kinh tế chủ lực đều có mức tăng thấp hơn so với năm trước. Ngoài ra, nền kinh tế Việt Nam còn chịu một số tác động bất lợi từ việc Trung Quốc phá giá đồng Nhân dân tệ, sự cố ô nhiễm môi trường biển miền Trung, ngập lụt bất thường ở Bắc Trung bộ, hạn mặn ở đồng bằng sông Cửu Long ….

Mặc dù vậy, bức tranh kinh tế cả nước trong năm 2016 cũng có nhiều điểm sáng: vốn FDI thực hiện đạt 15,8 tỷ USD, tăng 9% và là mức cao nhất từ trước đến nay. Tổng vốn đăng ký cấp mới và bổ sung là 24,4 tỷ USD, tăng 7% so với năm 2015. Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới trong năm 2016 đạt cao nhất từ trước đến nay với 110.100 doanh nghiệp, tăng 16,2% so với năm 2015. Chính phủ chủ trương đẩy nhanh thoái vốn nhà nước tại nhiều doanh nghiệp lớn; một số doanh nghiệp lớn như Sabeco, Vietnam Airlines… đã đăng ký niêm yết trong năm 2016. Thị trường bất động sản đã khởi sắc, đặc biệt là ở phân khúc nhà ở. Thị trường chứng khoán đã phục hồi và tăng trưởng tích cực hơn so với năm trước.

Điều đáng mừng là trong năm 2016, thị trường bảo hiểm tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao bất chấp những khó khăn chung của nền kinh tế. Doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường tăng 22,74% so với năm trước (đạt 86.049 tỷ VND), trong đó doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ tăng 28,3% (đạt 49.677 tỷ VND), doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ tăng 14,6% (đạt 36.372 tỷ VND). Ngành bảo hiểm đã đầu tư trở lại nền kinh tế 186.572 tỷ VND, tăng 16,5% so với năm 2015. Các nghiệp vụ bán lẻ tiếp tục có sự tăng trưởng tốt, với tốc độ trên 20%. Trong khi đó các dịch vụ có tái bảo hiểm tăng trưởng chậm (như bảo hiểm tài sản, bảo hiểm kỹ thuật) hoặc thậm chí giảm (bảo hiểm hàng hóa, bảo hiểm thân tàu), ước tăng trưởng chung chỉ đạt 5-7%.

Trước tình hình các dịch vụ có tái bảo hiểm tăng trưởng ở mức khiêm tốn, cạnh tranh tiếp tục diễn ra gay gắt, Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (VINARE) đã kiên trì với chủ trương kiểm soát chặt chẽ rủi ro, lựa chọn dịch vụ, từ chối các dịch vụ dưới chuẩn hoặc có tỷ lệ bồi thường cao để đảm bảo hiệu quả kinh doanh. Nhờ đó, doanh thu phí nhận tái bảo hiểm đạt 1.655,6 tỷ VND, tăng 2,4% so với năm 2015, doanh thu phí giữ lại của Tổng công ty đạt 561,5 tỷ VND.

Chỉ tiêu chi bồi thường nhận tái bảo hiểm giảm 10,5% và bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại giảm 17,1% so với năm trước. Kết quả này đạt được là do tác động của việc siết chặt kỷ luật khai thác và các nỗ lực đáng ghi nhận của thị trường trong việc đánh giá rủi ro trước khi cấp đơn, hạn chế cạnh tranh không lành mạnh thông qua hạ phí và mở rộng điều kiện, điều khoản bảo hiểm. Việc giảm chi bồi thường cũng có một phần nguyên nhân do trong năm 2016 ít xảy ra các tổn thất bất thường về tài sản so với các năm trước.

Chính vì các lý do trên nên mặc dù các chỉ tiêu doanh thu phí và phí bảo hiểm giữ lại không đạt mức tăng trưởng chung của thị trường đối với các dịch vụ có tái bảo hiểm, VINARE vẫn hoàn thành vượt mức chỉ tiêu về lợi nhuận. Lợi tức thuần từ hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm đạt 57,3tỷ VND, tăng 73,1% so với năm 2015.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác trong năm 2016 đạt 213,5 tỷ VND, vượt 6,7% so với kế hoạch. Công tác quản trị rủi ro trong hoạt động đầu tư được tăng cường, đảm bảo an toàn và được kiểm soát chặt chẽ.

Với kết quả kinh doanh bảo hiểm và đầu tư khả quan, tổng lợi tức trước thuế của Tổng công ty đạt 270,8 tỷ VND. Nếu loại trừ yếu tố chênh lệch tỷ giá đánh giá số dư ngoại tệ cuối kỳ, lợi tức trước thuế tăng trưởng 4,6% so với cùng kỳ năm trước và tăng 2,3% so với kế hoạch được giao.

Thưa các Quý vị,

Bên cạnh kết quả hoạt động kinh doanh tích cực trong năm 2016, VINARE đã có nhiều hoạt động nhằm thúc đẩy sự phát triển chung của thị trường bảo hiểm, nâng cao uy tín và hình ảnh của Tổng công ty trên thị trường trong nước và quốc tế.

VINARE đã phối hợp cùng Swiss Re và Bảo Việt triển khai thành công sản phẩm bảo hiểm K-care - sản phẩm chuyên biệt duy nhất trên thị trường cung cấp giải pháp tài chính cho người được bảo hiểm để đối phó với bệnh ung thư có chiều hướng gia tăng tại Việt Nam. Đây là nỗ lực đáng ghi nhận của VINARE trong việc phát triển sản phẩm bảo hiểm mới đáp ứng nhu cầu bảo hiểm ngày càng cao của nền kinh tế - xã hội.

VINARE đã nỗ lực cung cấp chuỗi dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng thông qua hàng loạt hội thảo chuyên đề như kế toán nghiệp vụ, bảo hiểm trách nhiệm, bảo hiểm P&I, bảo hiểm phong điện, đánh giá rủi ro... Bên cạnh đó, VINARE tiếp tục hỗ trợ có hiệu quả cho các khách hàng trên các mặt: đánh giá rủi ro, giám định tổn thất, đào tạo chuyên môn về tái bảo hiểm, cung cấp thông tin và các giải pháp phát triển bền vững cho thị trường.

VINARE cũng đã tích cực phối hợp với Cục Giám sát Bảo hiểm, Bộ Tài chính trong công tác triển khai bảo hiểm nông nghiệp (giai đoạn 2) trên cơ sở mở rộng đối tượng, địa bàn được bảo hiểm. VINARE cùng với 4 doanh nghiệp bảo hiểm gốc của thị trường được Bộ Tài chính lựa chọn để triển khai Chương trình bảo hiểm tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Đồng thời, Tổng công ty cũng đẩy mạnh nghiên cứu triển khai các chương trình bảo hiểm mới như bảo hiểm thiên tai, bảo hiểm tài sản công, bảo hiểm trách nhiệm ...

Là một trong những doanh nghiệp niêm yết đầu tiên tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, VINARE đã không ngừng nâng cao chất lượng quản trị công ty, đảm bảo minh bạch về thông tin và quyền lợi công bằng cho các cổ đông. Năm 2016, VINARE lần thứ ba liên tiếp được vinh danh trong Top 30 doanh nghiệp minh bạch nhất theo Chương trình đánh giá công bố thông tin và minh bạch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

VINARE đã đạt Chứng nhận Thương hiệu hàng đầu – Top Brands 2016 do Viện Nghiên cứu Kinh tế và Diễn đàn Liên kết Thương mại toàn cầu Global GTA công bố và tiếp tục duy trì mức xếp hạng tín nhiệm quốc tế (Rating) về năng lực tài chính "B++" (triển vọng ổn định) và năng lực phát hành "bbb" (triển vọng tích cực) theo xếp hạng của AM Best.

Thưa các Quý vị,

Những dự báo về tình hình kinh tế trong năm 2017 cho thấy còn không ít những khó khăn thách thức về chất lượng tăng trưởng, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp, … để đạt mục tiêu tăng trưởng GDP 6,7%. Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ được dự báo tăng trưởng khoảng 14%, tương đương mức tăng trưởng trong 2 năm gần đây. Chúng ta có thể kỳ vọng vào những động lực tăng trưởng mới khi những sản phẩm và chương trình bảo hiểm trọng điểm được triển khai như bảo hiểm tài sản công, bảo hiểm thiên tai, bảo hiểm trách nhiệm trong lĩnh vực xây dựng lắp đặt, các sản phẩm bảo hiểm liên kết và sự khởi động trở lại của chương trình bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tàu cá theo Nghị định 67 của Chính phủ… Đây là điều kiện thuận lợi để VINARE mở rộng thị phần và tăng doanh thu. Kế hoạch doanh thu phí nhận năm 2017 của Tổng công ty dự kiến đạt 1.770 tỷ VND, tăng 6,9% so với năm 2016. Lợi tức trước thuế (không bao gồm chênh lệch tỷ giá đánh giá số dư ngoại tệ cuối kỳ) dự kiến đạt 278 tỷ, tăng 4,5% so với năm 2016.

Với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, sự hợp tác quí báu của các đối tác và các cổ đông, sự hỗ trợ của các cơ quan chức năng, tôi tin tưởng rằng VINARE đã sẵn sàng vượt qua các thử thách và sớm hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược đã đề ra. Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn sự quan tâm, giúp đỡ của các cơ quan, đối tác, sự hợp tác của các quý cổ đông VINARE và đặc biệt đánh giá cao những nỗ lực và thành tựu mà các cán

bộ nhân viên của VINARE đã đạt được trong năm 2016. Với sự chung sức, đồng lòng của Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên, tôi tin tưởng chắc chắn rằng VINARE sẽ tiếp tục đạt được những thành công mới trong năm 2017 và các năm tiếp theo, đáp ứng kỳ vọng của cổ đông và đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam.

Chúc Quí vị hạnh phúc, sức khỏe và thành đạt./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Lê Song Lai

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Lĩnh vực và địa bàn kinh doanh
- Quá trình hình thành và phát triển
- Mô hình quản trị và Cơ cấu tổ chức bộ máy
- Các công ty trực thuộc
- Ban lãnh đạo
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam
- Giấy phép kinh doanh: 28GP/KDBH ngày 15/11/2004 của Bộ Tài chính
- Vốn điều lệ: 1.310.759.370.000 VND
- Địa chỉ: 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 3.9422354
- Fax: 3.9422351
- Website: www.vinare.com.vn
- Mã cổ phiếu: VNR

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- ***Ngành nghề kinh doanh của VINARE:***
  - Kinh doanh nhận và nhượng tái bảo hiểm đối với tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và nhân thọ trên thị trường trong và ngoài nước.
  - Đầu tư tài chính vào các lĩnh vực trái phiếu Chính phủ, trái phiếu, cổ phiếu doanh nghiệp, góp vốn vào các doanh nghiệp khác, kinh doanh bất động sản và các hoạt động đầu tư khác theo luật định.

- ***Địa bàn kinh doanh:*** Tổng Công ty có trụ sở chính tại 141, Lê Duẩn, Hà Nội và Chi nhánh tại 11 Nguyễn Công Trứ, Quận 1,Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình hình thành và phát triển

1994	• VINARE chính thức được thành lập và là công ty tái bảo hiểm trong nước đầu tiên với số vốn ban đầu là 40 tỷ đồng • Qui chế tái bảo hiểm bắt buộc (kết thúc năm 2005)
1999	• Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Ba nhân kỷ niệm 5 năm ngày thành lập
2001	• Khánh thành và đưa vào sử dụng trụ sở chính tại 141 Lê Duẩn, Hà Nội
2004 **2005**	• Thực hiện cổ phần hóa thành công và Tổng Công ty chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phầnvới vốn điều lệ là 500 tỷ đồng, vốn điều lệ thực góp là 343 tỷ đồng • 13 công ty bảo hiểm phi nhân thọ trở thành cổ đông của VINARE với các cam kết về trao đổi dịch vụ • Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhì nhân kỷ niệm 10 năm ngày thành lập
2006	• Doanh nghiệp đầu tiên trong ngành bảo hiểm và thứ 10 được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
2007 **2008**	• Tăng vốn điều lệ thực góp lên đến 672 tỉ đồng • Swiss Re trở thành đối tác chiến lược (25% cổ phần)
2009	• Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Nhất nhân kỷ niệm 15 năm ngày thành lập
2011	• Phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ thực góp lên 1.008 tỉ đồng
2012 **2013**	• Tái cấu trúc bộ máy • Hệ thống IT mới (WebXL) được đưa vào vận hành • Được A.M. Best xếp hạng năng lực tài chính mức B++ (Tốt) và năng lực tín dụng của tổ chức phát hành mức “bbb"
2014	• Phát hành cổ phiếu thưởng tăng vốn điều lệ lên 1.310 tỉ đồng • Được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập Hạng Ba nhân kỷ niệm 20 năm ngày thành lập • Duy trì mức xếp hạng năng lực tài chính B++ và năng lực phát hành tín dụng "bbb"
2015	• Chiến lược phát triển 2015 – 2020: hoạch định chiến lược phát triển nâng tầm hoạt động của VINARE

Một số chỉ tiêu kinh doanh chính giai đoạn 2012 – 2016

❖ ***Số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán:***

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	2015	2016
Doanh thu phí nhận	1.608	1.425	1.512	1.617	1.656
Doanh thu phí giữ lại	647	500	558	613	562
Doanh thu đầu tư và khác	388	326	388	243	239
Kết dư dự phòng nghiệp vụ (net)	801	689	777	818	839
Vốn điều lệ	1.008	1.008	1.310	1.310	1.310
Tổng tài sản	4.049	4.454	5.960	6.465	6.350
Lợi tức trước thuế	314	379	446	290	287
Lợi nhuận sau thuế	268	310	365	241	240
ROA (%)	6,61	6,96	6,12	3,73	3,78
ROE (%)	12,00	13,20	14,00	9,19	8,81
EPS (VNĐ)	2.537	2.981	2.487	1.802	1.777

** Ghi chú: Vốn điều lệ 2014 tăng do đợt phát hành cổ phiếu thưởng*

❖ ***Số liệu báo cáo tài chính công ty mẹ đã được kiểm toán:***

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	2015	2016
Doanh thu phí nhận	1.608	1.425	1.512	1.617	1.656
Doanh thu phí giữ lại	647	500	558	613	562
Doanh thu đầu tư và khác	388	326	388	243	239
Kết dư dự phòng nghiệp vụ (net)	801	689	777	818	839
Vốn điều lệ	1.008	1.008	1.310	1.310	1.310
Tổng tài sản	4.049	4.454	5.960	6.372	6.239
Lợi tức trước thuế	314	379	446	275	271
Lợi nhuận sau thuế	268	310	365	225	224
ROA (%)	6,61	6,96	6,12	3,53	3,58
ROE (%)	12,00	13,20	14,00	8,79	8,44
EPS (VNĐ)	2.537	2.981	2.487	1.802	1.777

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý

Các công ty con, công ty liên kết:

❖ *Công ty Đầu tư Vinare Invest*

- Giấy phép kinh doanh: 0103034106 cấp ngày 25/12/2008
- Địa chỉ: Tầng 6, 141 Lê Duẩn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Vốn điều lệ: 100 tỷ VND
- Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2016: 93.919.000.000 VND
- Lĩnh vực hoạt động:

  + Kinh doanh bất động sản và dịch vụ bất động sản

  + Kinh doanh các dịch vụ tài chính

  + Các ngành nghề, dịch vụ khác mà pháp luật không cấm và HĐQT thấy có lợi nhất cho Công ty
- Tỷ lệ góp vốn của Vinare: số tiền góp 60.000.000.000 VND, tương đương 63,8% vốn điều lệ.
- Các cổ đông chính: Vinare (63,8%), Công ty cổ phần quản lý quỹ Việt Cát (10%), Sudico (10%), Công ty CP BĐS Phú Lộc (10%), các cổ đông khác (6,2%)

❖ *Công ty liên kết Bảo hiểm Samsung - Vina:*

- Giấy phép đầu tư: số 20/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 30/08/2002
- Địa chỉ: Tầng 45, Tòa nhà Bitexco Financial Tower, số 2 Đường Hải Triều, Quận 1, TP Hồ Chí Minh
- Vốn điều lệ: 500.000.000.000 VND
- Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2016: 500.000.000.000 VND
- Lĩnh vực hoạt động: cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ (bao gồm cả tái bảo hiểm) và đầu tư tài chính theo luật định.
- Tỷ lệ góp vốn của Vinare: 25% vốn điều lệ, tương đương 125.000.000.000 đồng
- Đối tác liên kết: Công ty bảo hiểm Cháy và Hàng hải Sam Sung, Hàn Quốc

Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ đang đảm nhiệm	Chức vụ công tác đã qua	Quốc tịch
Ông Lê Song Lai ***Chủ tịch***	- Thạc sỹ Luật - Trường Đại học Tổng hợp Cambridge - Cử nhân Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội	- Phó Tổng Giám đốc SCIC - Bộ Tài chính - Thành viên HĐQT Công ty CP Bảo Minh, Công ty CP Viễn thông CMC - Chủ tịch, TGĐ Jetstar Pacific	Phó Vụ trưởng Vụ Bảo hiểm, Bộ Tài chính	Việt Nam
Ông Martyn Parker ***Phó Chủ tịch***	Bằng FCII, Chartered Insurer, Học viện Bảo hiểm hoàng gia Anh	Chủ tịch Ủy ban Hợp tác toàn cầu Swiss Re	- Trưởng phòng Khai thác và Bồi thường Nhân thọ của Mercantile and General Re - Trưởng Bộ phận kinh doanh quốc tế của Mercantile and General Re - Giám đốc toàn cầu mảng nhân thọ và sức khỏe và Thành viên Ban Điều hành tập đoàn Swiss Re - Thành viên HĐQT tập đoàn và Giám đốc bộ phận Thị trường khách hàng châu A - Swiss Re	Anh
Ông Phan Kim Bằng ***Phó Chủ tịch***	Cử nhân kinh tế - Trường Đại học Tài chính kế toán Hà Nội	- Thành viên HĐQT Tập đoàn Bảo Việt; - Chủ tịch HĐTV kiêm Tổng Giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm Bảo Việt	- Trưởng phòng Kế toán Công ty bảo hiểm Hà Nội - Phó Trưởng phòng BH Con người; Trưởng phòng Quản lý đại lý - Trưởng Ban kiểm toán hoạt động bảo hiểm phi nhân thọ, Phó Giám đốc Kiểm toán nội bộ Tập đoàn, Trưởng Ban Kiểm soát Tập đoàn Bảo Việt	Việt Nam
Ông Trần Vĩnh Đức ***Thành viên***	- Tiến sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính - Bảo hiểm, Đại học Tổng hợp Humbold - Berlin, CHDC Đức - Kỹ sư Kinh tế chuyên ngành Tài chính-Bảo hiểm - ĐH TH Humbold-Berlin, Đức	Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh	- Trưởng phòng TCTy Bảo hiểm Việt Nam - Trưởng Ban kiểm soát, Phó Tổng Giám đốc TCTy Bảo hiểm Việt Nam;	Việt Nam
Ông Đào	- Thạc sỹ Quản trị kinh	Tổng Giám đốc	- Trưởng phòng Tổng hợp kiêm	Việt

Nam Hải ***Thành viên độc lập***	doanh - ĐH quốc gia Hà Nội & Đại học Irvine Hoa Kỳ - Thạc sỹ Luật kinh tế, Viện Nhà nước và Pháp luật - Cử nhân Tài chính doanh nghiệp - ĐH Kinh tế quốc dân	Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex (PJICO)	Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty PJICO - Trưởng phòng Thị trường kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh PJICO Lạng Sơn - Phó Tổng Giám đốc Công ty PJICO	Nam
Ông Phạm Sỹ Danh ***Thành viên độc lập***	- Sau Đại học, CHLB Đức - Cử nhân kinh tế, CHLB Đức		- Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước - Thứ trưởng Bộ Tài chính	Việt Nam
Ông Phạm Công Tứ ***Thành viên***	- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Học viện Quản trị kinh doanh Vương quốc Bỉ - Cử nhân Tài chính - Đại học Tài chính - Kế toán	Tổng Giám đốc VINARE	- Kế toán trưởng VINARE - Phó Tổng Giám đốc VINARE	Việt Nam
Ông Mai Xuân Dũng ***Thành viên***	- Thạc sĩ Kinh tế và Tài chính quốc tế, Đại học Queensland, New Zealand - Chứng chỉ Đại học bảo hiểm, Học viện Bảo hiểm, Tài chính Úc - New Zealand - Cử nhân Kinh tế bảo hiểm, ĐH Kinh tế quốc dân	Phó Tổng giám đốc VINARE	- Phó Trưởng phòng Tái bảo hiểm Hàng hải VINARE - Giám đốc Ban Hàng hải VINARE	Việt Nam
Ông Beat Schnegg ***Thành viên***		- Trưởng bộ phận Quản lý nghiệp vụ Phi nhân thọ châu Á của Swiss Re. - Thành viên của Ủy ban Quản lý nghiệp vụ ET và Ban điều hành Swiss Re châu Á	- Trưởng nhóm chuyên trách về thị trường Bỉ và Hà Lan, Swiss Re - Trưởng bộ phận Tất toán trách nhiệm hợp đồng (Run-off) của Swiss Re Zurich và châu Á, Phi, Mỹ La tinh - Trưởng Nhóm Bồi thường Tài sản & Trách nhiệm châu Á (P&C) Swiss Re Singapore	

Ban kiểm soát:

Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ đang đảm nhiệm	Chức vụ công tác đã qua	Quốc tịch
Ông Trần Trung Tính ***Trưởng Ban***	- Thạc sỹ Tài chính - Ngân hàng, Đại học Kinh tế quốc dân - Cử nhân Toán kinh tế & Bảo hiểm - ĐH Kinh tế quốc dân - Cử nhân Anh văn - ĐH Sư phạm Ngoại ngữ Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc Công ty bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)	- Trưởng phòng Bảo hiểm Tài sản Kỹ thuật Công ty Bảo Minh Hà Nội - Phó Giám đốc Công ty Bảo Minh Hà Nội - Trưởng phòng Phát triển kinh doanh BIC	Việt Nam
Ông Trần Phan Việt Hải ***Thành viên***	Cử nhân Bảo hiểm - ĐH Tài chính Kế toán Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc Công ty bảo hiểm Samsung - Vina (SVI)	Trưởng phòng, Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam	Việt Nam
Ông Đỗ Quang Khánh ***Thành viên***	Cử nhân Bảo hiểm - ĐH Tài chính Kế toán Hà Nội	Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Bưu điện (PTI)	Kế toán trưởng Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Bưu điện (PTI)	Việt Nam
Bà Lê Thị Thanh Hiền ***Thành viên***	- Thạc sĩ Tài chính, Đại học Sydney - Cử nhân Kế toán, Đại học Kinh tế quốc dân	Phó Phòng Tài chính Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	Kiểm toán viên cao cấp Công ty TNHH Kiểm toán PricewaterhouseCoopers	Việt Nam
Ông Deepak Mohan ***Thành viên***	- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học St. Gallen, Thụy Sỹ - Cử nhân kinh tế Đại học Georgia, Hoa Kỳ - Chứng chỉ về Bảo hiểm Phi nhân thọ (Chartered Property Casualty Underwriter) và Quản trị rủi ro (Associate in Risk Management)	Phó Giám đốc Ban Đầu tư chiến lược, Swiss Re	- Thành viên tham gia vào nhiều dự án Chiến lược và Phát triển của Tập đoàn Swiss Re - Ban Đầu tư chiến lược Swiss Re tại Hong Kong, tập trung vào các hoạt động đầu tư trực tiếp và phát triển doanh nghiệp tại Đông Nam Á	Mỹ

Ban Tổng Giám đốc:

Họ và tên	Trình độ chuyên môn	Chức vụ đang đảm nhiệm	Chức vụ công tác đã qua	Quốc tịch
Ông Phạm Công Tứ ***Tổng Giám đốc***	- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh - Học viện Quản trị kinh doanh Vương quốc Bỉ - Cử nhân Tài chính - Đại học Tài chính - Kế toán	Thành viên Hội đồng quản trị VINARE	- Kế toán trưởng VINARE - Phó Tổng Giám đốc VINARE	Việt Nam
Ông Đặng Thế Vinh ***Phó Tổng giám đốc*** *(nghỉ hưu từ ngày 1/9/2016)*	- Thạc sỹ Đại học Tài chính Gotha, CHLB Đức - Cử nhân tiếng Đức - ĐH ngoại ngữ Hà Nội		- Phó Tổng giám đốc Công ty Bảo hiểm Bảo Minh - Phó Tổng giám đốc, Tổng giám đốc Công ty Bảo hiểm UIC - Cố vấn Ban giám đốc Công ty Bảo hiểm PTI	Việt Nam
Ông Mai Xuân Dũng ***Phó Tổng giám đốc***	- Thạc sĩ Kinh tế và Tài chính quốc tế, Đại học Queensland, New Zealand - Chứng chỉ Đại học bảo hiểm, Học viện BH Tài chính Úc - New Zealand - Cử nhân Kinh tế bảo hiểm, ĐH Kinh tế quốc dân	Thành viên Hội đồng quản trị VINARE	- Phó Trưởng phòng Tái bảo hiểm Hàng hải VINARE - Giám đốc Ban Hàng hải VINARE	Việt Nam
Ông Yves-Daniel Cochand ***Phó Tổng giám đốc***	- Thạc sỹ Luật, Thụy Sỹ - Cử nhân Đại học		- Thành viên Ban Lãnh đạo Bộ phận khai thác BH Trách nhiệm châu Âu, Swiss Re Zurich - Thành viên Ban Lãnh đạo Swiss Re Pháp - Giám đốc, Bộ phận các dịch vụ Tạm thời tại Swiss Re New York - Giám đốc, Trưởng Bộ phận khai thác hợp đồng cố định BH Phi nhân thọ Swiss Re Toronto - Trưởng bộ phận khai thác BH Trách nhiệm châu Á tại Hong Kong	Thụy Sỹ
Ông Nguyễn	- Thạc sỹ Kinh doanh		- Phó Trưởng phòng Nhân sự-	Việt

Mạnh Linh ***Phó Tổng giám đốc*** *(Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc VINARE, thời hạn 3 năm tính từ 01/9/2016)*	quốc tế (MSC) - Thạc sỹ Quản trị kinh doanh (MBA) - Kỹ sư Tin học		Tổng hợp VINARE, Trợ lý Tổng Giám đốc - Giám đốc Ban Quản lý Rủi ro	Nam

Định hướng phát triển:

❖ ***Tầm nhìn chiến lược:***

TRỞ THÀNH NHÀ TÁI BẢO HIỂM CHUYÊN NGHIỆP Ở VIỆT NAM:

- Cung cấp các giải pháp dài hạn và các dịch vụ chất lượng quốc tế cho thị trường trong nước và khu vực
- Hỗ trợ thị trường bảo hiểm Việt Nam, hướng tới sự phát triển bền vững và hiệu quả
- Nhà đầu tư chuyên nghiệp
- Thực thi trách nhiệm cộng đồng trong các hoạt động phát triển kinh tế xã hội và góp phần nâng cao tính cạnh tranh quốc tế của Việt Nam

❖ ***Các giá trị cam kết:***

- Lợi nhuận tối ưu cho nhà đầu tư,
- Nâng cao hiệu quả và tính sinh lợi của thị trường bảo hiểm:

  + Quản lý rủi ro và nguồn vốn

  + Đào tạo và chuyển giao kiến thức công nghệ

  + Trung tâm thông tin thị trường bảo hiểm, tái bảo hiểm
- Phát triển bền vững thị trường bảo hiểm:

  + Cung cấp năng lực tái bảo hiểm

  + Hỗ trợ phát triển sản phẩm bảo hiểm mới
- Tham gia tích cực vào sự phát triển bền vững của Việt Nam

❖ ***Mục tiêu tăng trưởng và phát triển giai đoạn 2016 - 2020:*** theo Chiến lược phát triển giai đoạn 2016 – 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2015 phê chuẩn

➢ **Tăng trưởng**:

- Doanh thu Phí nhận Tái bảo hiểm: tăng trưởng bình quân 12%/năm
- Doanh thu Phí giữ lại: tăng trưởng bình quân 16%/năm
- Tỷ lệ Combined Ratio: bình quân 93%

➢ **Phát triển bền vững:**

- Đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam thông qua việc nâng cao nhận thức về bảo hiểm rủi ro, cung cấp năng lực tái bảo hiểm và hỗ trợ phát triển các sản phẩm bảo vệ rủi ro cho số đông dân cư
- Tham gia tích cực vào sự phát triển bền vững của Việt Nam

Những rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty:

❖ ***Rủi ro thị trường:***

- Biến động lãi suất tiền gửi, trái phiếu: đặc thù kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm phải luôn đáp ứng thanh toán kịp thời, đầy đủ trách nhiệm nhận tái bảo hiểm, đặc biệt trong môi trường đầu tư biến động khó lường và rủi ro tiềm ẩn cao, phần lớn số vốn nhàn rỗi huy động cho hoạt động đầu tư được phân bổ cho danh mục tiền gửi tại các ngân hàng và các tổ chức tín dụng hoặc mua các loại trái phiếu có bảo lãnh. Vì vậy, các diễn biến mặt bằng lãi suất huy động tiền gửi, trái phiếu, công trái…ảnh hưởng lớn tới thu nhập hoạt động đầu tư.
- Khó khăn trong việc phân bổ tài sản đầu tư dài hạn: Bên cạnh lĩnh vực kinh doanh chính là tái bảo hiểm, chiến lược đầu tư của VINARE là: An toàn – Hiệu quả - Phát triển bền vững. VINARE hết sức coi trọng chiến lược phân bổ tài sản đầu tư, kết hợp lợi ích ngắn hạn và dài hạn trên cơ sở bảo toàn và phát triển hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Mặc dù hiện nay môi trường đầu tư đã được cải thiện nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ rủi ro cao và tác động không nhỏ tới việc phân bổ tài sản đầu tư của VINARE.
- Biến động trên thị trường tiền tệ, tỷ giá: Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh nhận và nhượng tái bảo hiểm. Việc thanh toán các quyền lợi và nghĩa vụ đối với các nhà nhận – nhượng tái bảo hiểm hầu hết được thanh toán bằng tiền ngoại tệ hoặc có gốc ngoại tệ. Sự biến động tỷ giá và nguồn cung ngoại tệ ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của Tổng Công ty.
- Tác động của tình hình kinh tế xã hội nói chung: Sự phát triển của nền Kinh tế xã hội ảnh hưởng quan trọng đến nhu cầu tham gia bảo hiểm của các tổ chức, cá nhân. Thông qua đó, dịch vụ bảo hiểm Tổng Công ty khai thác được bị ảnh hưởng.

❖ ***Rủi ro pháp lý:***

- Thay đổi chính sách quản lý của Nhà nước đối với thị trường bảo hiểm: VINARE đã và đang phải đối mặt với việc mở cửa thị trường bảo hiểm theo lộ trình cam kết khi gia nhập WTO, TPP. Thị trường bảo hiểm mở cửa, đồng nghĩa với việc gia tăng áp lực cạnh tranh đối với hoạt động của VINARE.

❖ ***Rủi ro bảo hiểm – tái bảo hiểm:***

- Rủi ro hoạt động khai thác nhận bảo hiểm là các rủi ro từ danh mục rủi ro VINARE nhận tái bảo hiểm. Mức độ các rủi ro này chủ yếu ảnh hưởng do chất lượng quá trình khai thác:
    - Đánh giá rủi ro nhận tái bảo hiểm
    - Định giá, xác định khả năng nhận tái bảo hiểm
    - Điều kiện và điều khoản áp dụng
    - Kiểm soát mức độ tập trung rủi ro và các rủi ro thảm họa

❖ ***Rủi ro tín dụng:***

- Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty. Tổng công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Tổng công ty là tái bảo hiểm nên rủi ro tín dụng của Tổng công ty tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc.

❖ ***Rủi ro hoạt động:***

- Các rủi ro liên quan đến đội ngũ nhân sự: thay đổi ngoài dự kiến trong bộ máy lãnh đạo; hành vi vi phạm pháp luật của cá nhân: Kinh doanh tái bảo hiểm có tính chất đặc thù và mang tính quốc tế hóa cao, đào tạo cán bộ trong lĩnh vực kinh doanh này mất nhiều thời gian

và tốn kém, sự cạnh tranh lao động trong lĩnh vực này rất quyết liệt, đặc biệt những chính sách đãi ngộ hiện hành còn nhiều hạn chế so với thị trường lao động bảo hiểm quốc tế.

- Các rủi ro liên quan đến quy trình: không tuân thủ hoặc tuân thủ không đầy đủ các quy định, quy chế nội bộ của cá nhân cán bộ
- Rủi ro gián đoạn kinh doanh do các sự kiện hay tác nhân bên ngoài: chiến tranh, thiên tai, các sự kiện bất khả kháng khác ...
- Rủi ro an toàn hệ thống: rủi ro công nghệ thông tin, an ninh mạng; rủi ro liên quan đến việc lưu trữ tài liệu, chứng từ.

❖ ***Rủi ro môi trường:***

- Lĩnh vực hoạt động của VINARE là lĩnh vực dịch vụ tài chính và đầu tư tài chính, do đó Tổng công ty không có các rủi ro về môi trường.

Mục tiêu, chính sách và các quy trình Quản lý rủi ro bảo hiểm:

- Mục tiêu cuối cùng của việc quản lý rủi ro bảo hiểm là kiểm soát các sự kiện về mặt nghiệp vụ bảo hiểm có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính, vốn chủ sở hữu và kết quả kinh doanh của Tổng công ty.
- Chính sách quản trị rủi ro của Tổng công ty được thiết lập thông qua việc xác định các giới hạn rủi ro cho phép và cụ thể hóa Hướng dẫn khai thác bảo hiểm/nhận tái bảo hiểm của Tổng công ty như hướng dẫn khai thác nhận/nhượng tái bảo hiểm cố định/tạm thời, và hướng dẫn giải quyết bồi thường.
- Tổng công ty đã thiết lập hệ thống quản lý rủi ro bảo hiểm ở nhiều cấp bậc khác nhau từ các phòng ban nghiệp vụ bảo hiểm đến toàn bộ Tổng công ty để đảm bảo hiệu quả của hoạt động quản lý rủi ro. Ban Quản trị rủi ro đóng vai trò quan trọng trong quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm, có nhiệm vụ kết nối và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban nghiệp vụ, Ban lãnh đạo và Hội đồng quản trị của Tổng công ty.
- Hoạt động quản trị rủi ro bảo hiểm được giám sát từ các cấp lãnh đạo thông qua các hướng dẫn khai thác bảo hiểm/tái bảo hiểm, và các tiêu chuẩn quản trị rủi ro. Quy trình báo cáo cũng được thiết lập từ cấp thấp nhất và được thực hiện định kỳ hàng tuần, hàng tháng, hàng quý nhằm đảm bảo hiệu quả giám sát. Các quy trình quản trị rủi ro được thực hiện một cách có hệ thống để xác định, đo lường, kiểm soát và xử lý rủi ro nhằm đảm bảo các chỉ số đo lường rủi ro không vượt quá giới hạn cho phép.
- Tổng công ty áp dụng nhiều biện pháp khác nhau trong việc phát hiện các rủi ro bảo hiểm bao gồm các phương pháp đánh giá rủi ro, thảo luận thông qua các cuộc họp nội bộ, và kinh nghiệm của các chuyên gia. Tùy thuộc vào các hoàn cảnh thực tế và đặc điểm của rủi ro cần đo lường, xác định, các biên pháp đo lường định lượng và định tính khác nhau sẽ được áp dụng. Biện pháp đo lường định tính chủ yếu bao gồm việc đánh giá rủi ro của các chuyên gia khai thác đối với từng nghiệp vụ đơn lẻ hoặc các danh mục rủi ro. Các biện pháp đo lường định lượng bao gồm việc định giá, phân tích danh mục rủi ro thông qua các thống kê quá khứ (mức phí, loại hình rủi ro, tổn thất, …).
- Các kế hoạch nhận và nhượng tái bảo hiểm giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì và đảm bảo mức độ rủi ro của Tổng công ty luôn nằm trong hạn mức rủi ro cho phép. Vì vậy, bên cạnh việc đặt ra các hạn mức rủi ro phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng công ty trong từng thời kỳ, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty cũng trực tiếp chịu trách nhiệm xây dựng và thực hiện các kế hoạch nhận và nhượng tái bảo hiểm cố định hàng năm, nhận nhượng tái bảo hiểm tạm thời trên nguyên tắc Chương trình Tái bảo hiểm đã được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2016

- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình hoạt động đầu tư
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Phát triển bền vững
- Chính sách liên quan đến người lao động

Tình hình hoạt động kinh doanh 2016:

❖ ***Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất 2016 đã được kiểm toán:***

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Thực hiện 2015	% so với KH	% so với 2015
Doanh thu phí tái bảo hiểm	1.655.558	1.617.142	*95,7%*	*102,38%*
Phí nhượng tái bảo hiểm	(1.094.034)	(1.003.698)	*103,1%*	*109,00%*
Doanh thu phí bảo hiểm thuần	569.344	586.865	*88,0%*	*97,01%*
Doanh thu thuần hoạt động KDBH	964.478	991.767		*97,25%*
Tổng chi phí hoạt động KDBH	818.357	893.251		*91,62%*
Lợi nhuận gộp KDBH	146.121	98.515		*148,32%*
Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính	190.430	217.947		*87,37%*
Chi phí quản lý doanh nghiệp	88.812	65.405		*135,79%*
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	247.738	251.058		*98,68%*
Lợi nhuận khác	11.977	8.452		*141,71%*
Phần lợi nhuận thuần từ công ty liên kết	27.502	31.274		*87,94%*
Lợi nhuận trước thuế	287.170	290.784		*98,76%*
Lợi nhuận sau thuế	239.985	241.076		*99,55%*

❖ ***Số liệu báo cáo tài chính của Công ty mẹ:***

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu	Thực hiện 2016	Thực hiện 2015	% so với KH	% so với 2015
Doanh thu phí tái bảo hiểm	1.655.558	1.617.142	*95,7%*	*102,38%*
Phí nhượng tái bảo hiểm	(1.094.034)	(1.003.698)	*103,1%*	*109,00%*
Doanh thu phí bảo hiểm thuần	569.343	586.865	*88,0%*	*97,01%*
Doanh thu thuần hoạt động KDBH	964.478	991.767		*97,25%*
Tổng chi phí hoạt động KDBH	818.357	893.251		*91,62%*
Lợi nhuận gộp KDBH	146.121	98.515		*148,32%*

Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính	201.136	232.836		*86,39%*
Chi phí quản lý doanh nghiệp	88.812	65.405		*135,79%*
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	258.445	265.947		*97,18%*
Lợi nhuận khác	12.328	8.795		*140,17%*
Lợi nhuận trước thuế	270.726	274.741		*98,54%*
Lợi nhuận sau thuế	223.541	225.034		*99,34%*

Tổ chức và nhân sự:

❖ *Danh sách Ban điều hành:*

STT	Họ và tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Phạm Công Tứ	Tổng Giám đốc	0,21%
2	Đặng Thế Vinh *(nghỉ hưu từ ngày 01/9/2016)*	Phó Tổng giám đốc	0,00002%
3	Mai Xuân Dũng	Phó Tổng giám đốc	0,028%
4	Nguyễn Mạnh Linh *(bổ nhiệm PTGĐ từ ngày 01/9/2016)*		0,026%
4	Yves-Daniel Cochand	Phó Tổng giám đốc	0%
5	Lưu Thị Việt Hoa	Kế toán trưởng	0,12%

❖ *Thay đổi nhân sự Ban Tổng giám đốc:*

- Ông Đặng Thế Vinh, Phó Tổng giám đốc, nghỉ hưu từ ngày 1/9/2016
- Ngày 01/09/2016 Hội đồng quản trị đã ra quyết định bổ nhiệm có thời hạn Ông Nguyễn Mạnh Linh giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc VINARE, thời hạn 3 năm, từ ngày 01/09/2016.

❖ *Số lượng cán bộ, nhân viên:*

- Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại ngày 31/12/2016 là 100 người (tại ngày 31/12/2015 là 96 người)

❖ *Chính sách đối với người lao động:*

➢ *Chính sách tuyển dụng và đào tạo:*

- Chính sách tuyển dụng tại VINARE được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy trình và tiêu chuẩn quy định để đảm bảo tuyển dụng được những cán bộ có năng lực, trình độ, đáp ứng các yêu cầu về quản lý và hoạt động kinh doanh.
- Việc tuyển dụng và sắp xếp, bố trí công việc được thực hiện đảm bảo phù hợp năng lực, phẩm chất của người lao động, phát huy năng lực, đóng góp của người lao động cho doanh nghiệp, tạo điều kiện cho người lao động có sự thăng tiến trong nghề nghiệp.
- Người lao động được đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên thông qua các chương trình đào tạo nội bộ, các khóa đào tạo về Bảo hiểm – Tái bảo hiểm trong nước và nước ngoài.
- Trong năm 2016, đã có 13 cán bộ được cử đi đào tạo trong nước, 19 cán bộ được cử đi đào tạo tại nước ngoài.

➢ *Chính sách trả lương, khen thưởng, phúc lợi:*

- VINARE chủ trương xây dựng chính sách đãi ngộ mang tính dài hạn, đảm bảo dân chủ, công bằng, công khai, minh bạch, khuyến khích người có tài, có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, năng suất lao động cao, đóng góp nhiều vào kết quả hoạt động của VINARE. Tạo

đòn bẩy khuyến khích lợi ích vật chất nhằm phát huy sức mạnh sáng tạo, nâng cao hiệu quả, năng suất lao động trong hoạt động kinh doanh.

- Năm 2016, VINARE đã kiện toàn/nâng cấp quy chế lương, thưởng, phúc lợi và các quy định về khen thưởng nhằm phát huy triệt để các đòn bẩy chính sách xây dựng và phát triển nguồn nhân lực.
- Triển khai hệ thống quản lý hiệu quả làm việc bao gồm: xây dựng bản mô tả công việc của từng vị trí, cá nhân người lao động lập bảng kế hoạch mục tiêu cá nhân hàng năm, đánh giá hiệu quả làm việc giữa kỳ và cuối kỳ dựa trên kế hoạch mục tiêu cá nhân đã được phê duyệt.

❖ ***Những thay đổi trong chính sách đối với người lao động:***

- Ban hành Nội quy Lao động, quy định theo dõi thời gian làm việc qua máy chấm công
- Ký kết lại Thỏa ước Lao động tập thể
- Ban hành mới quy định về bổ nhiệm/bổ nhiệm lại

Tình hình hoạt động đầu tư 2016:

***Danh mục đầu tư tại 31/12/2016*:**

Đơn vị: triệu VND

STT	Danh mục đầu tư	2016	2015	+/-	Tỷ trọng
1	Tiền gửi	2.226.786	2.013.500	+213.286	*65,8%*
2	Trái phiếu, công trái	170.000	210.000	-40.000	*5,0%*
3	Góp vốn DN khác	658.140	654.000	+4.140	*19,5%*
4	Đầu tư chứng khoán	24.284	33.189	-8.905	*1,0%*
5	Ủy thác đầu tư	210.000	150.000	+60.000	*6,2%*
6	Văn phòng cho thuê	12.400	13.817	-1.417	*0,4%*
7	Đầu tư BĐS	13.304	13.304	0	*0,4%*
8	Đầu tư khác, TGKKH	66.083	198.751	-132.668	*1,7%*
	Tổng cộng	**3.380.997**	**3.286.561**	**+94.436**	***100%***

(Tỷ giá qui đổi năm 2016: 1 USD = 22.715 VND)

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết:

❖ *Tình hình hoạt động kinh doanh:*

Đơn vị: triệu VND

Công ty	Doanh thu thuần			Lợi tức trước thuế		
	2016	2015	2016/15	2016	2015	2016/15
L/doanh SVI	250.891	342.528	*73,2%*	133.350	160.889	*82,8%*
Vinare Invest	3.464	873	*396,8%*	576	-4.185	

❖ *Tình hình tài chính:*

Đơn vị: triệu VND

Công ty	Vốn ĐL thực góp 31/12/16 (tỷ đ)	Vốn CSH 31/12/16 (tỷ đ)	GT sổ sách 31/12/16 (đ/CP)	Giá vốn đầu tư (đ/CP)
L/doanh SVI	500.000	811.211	16.136	10.000
Vinare Invest	93.919	84.296	8.975	10.000

Tình hình tài chính:

❖ *Báo cáo tài chính hợp nhất:*

Đơn vị: tr. VND

Chỉ tiêu	2016	2015	Tỷ lệ % 2016/15
Tổng giá trị tài sản	6.350.350	6.465.307	*98,22%*
Doanh thu thuần KDBH	964.478	991.767	*97,25%*
Lợi nhuận gộp KDBH	146.121	98.515	*148,32%*
Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính	190.430	217.947	*87,37%*
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	247.738	251.058	*98,68%*
Lợi nhuận khác	11.977	8.452	*141,71%*
Phần lợi nhuận thuần từ công ty liên kết	27.502	31.274	*87,94%*
Lợi nhuận trước thuế	287.170	290.784	*98,76%*
Lợi nhuận sau thuế	239.985	241.076	*99,55%*
Lợi nhuận sau thuế có thể phân phối cho cổ đông (*không bao gồm CLTG đánh giá số dư ngoại tệ cuối kỳ*)	235.094	222.135	*98,84%*
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	66,91%	88,51%	

❖ *Báo cáo tài chính công ty mẹ:*

Đơn vị: tr. VND

Chỉ tiêu	2016	2015	Tỷ lệ % 2016/15
Tổng giá trị tài sản	6.239.283	6.372.268	*97,91%*
Doanh thu thuần KDBH	964.478	991.767	*97,25%*
Lợi nhuận gộp KDBH	146.121	98.515	*148,32%*
Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính	201.137	232.836	*86,39%*
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	258.445	265.947	*97,18%*
Lợi nhuận khác	12.328	8.795	*140,17%*
Lợi nhuận trước thuế	270.726	274.741	*98,54%*
Lợi nhuận sau thuế	223.541	225.034	*99,34%*

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

❖ *Báo cáo tài chính hợp nhất:*

Chỉ tiêu	2016	2015	Ghi chú
1. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,39	1,39	Lần
- Khả năng thanh toán nhanh	0,59	0,58	Lần
2. Cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn / Tổng tài sản	21,66	18,36	%
- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn / Tổng tài sản	78,34	81,64	%
3. Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	56,61	58,96	%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	43,39	41,04	%
4. Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	24,02	23,79	%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	20,07	19,73	%
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	4,52	4,50	%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	3,78	3,73	%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	8,81	9,19	%

❖ *Báo cáo tài chính công ty mẹ:*

Chỉ tiêu	2016	2015	Ghi chú
1. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán hiện hành	1,74	1,67	Lần
- Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,38	1,38	Lần
- Khả năng thanh toán nhanh	0,59	0,57	Lần
2. Cơ cấu tài sản			
- Tài sản cố định và đầu tư dài hạn / Tổng tài sản	20,55	17,41	%
- Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn / Tổng tài sản	79,45	82,59	%
3. Cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	57,57	59,80	%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	42,43	40,20	%
4. Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu	22,49	22,24	%

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	18,57	18,22	%
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	4,34	4,31	%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	3,58	3,53	%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	8,44	8,79	%

Vốn cổ phần và Cơ cấu cổ đông:

❖ ***Cơ cấu cổ phiếu:*** *Đến ngày 24/6/2016*

Chỉ tiêu	Số lượng
1. Tổng số cổ phiếu	**131.075.937**
- CP phổ thông chuyển nhượng tự do	109.406.861
- CP phổ thông chuyển nhượng có điều kiện	21.669.076
2. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại	**131.075.937**
- CP phổ thông chuyển nhượng tự do	109.406.861
- CP phổ thông chuyển nhượng có điều kiện	21.669.076

❖ ***Cơ cấu cổ đông*: tính** đến thời điểm 24/6/2016, cơ cấu cổ đông của Tổng Công ty như sau:

TT	Loại cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ /VĐL
1	**Cổ đông tổ chức**:	**125.654.303**	**95,86%**
a	Trong nước	82.288.839	62,78%
	- Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	*52.906.035*	*40,36%*
	- Các cổ đông pháp nhân khác	*29.382.804*	*22,07%*
b	Nước ngoài	43.365.464	33,08%
2	**Cổ đông cá nhân**:	**5.421.634**	**4,14%**
a	Trong nước	4.927.550	3,76%
b	Nước ngoài	494.084	0,38%
	Cộng	**131.075.937**	**100%**

❖ ***Danh sách cổ đông lớn:*** *(tại thời điểm 24/6/2016)*

TT	Tên cổ đông	Vốn góp theo mệnh giá *(VND)*	Tỷ lệ sở hữu
1	SCIC	529.060.350.000	40,36%
2	Swiss Re	327.689.890.000	25,00%
3	Bảo Việt	120.268.200.000	9,18%
4	Bảo Minh	84.275.100.000	6,43%
5	PJICO	32.773.650.000	2,50%

❖ ***Thay đổi vốn đầu tư***: không có

❖ ***Giao dịch cổ phiếu quĩ:*** không có

❖ ***Các chứng khoán khác:*** không có

Báo cáo phát triển bền vững

❖ ***Định hướng phát triển bền vững:***

- Đóng góp vào sự phát triển bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam thông qua việc nâng cao nhận thức về bảo hiểm rủi ro, cung cấp năng lực tái bảo hiểm và hỗ trợ phát triển các sản phẩm bảo vệ rủi ro cho số đông dân cư;
- Tham gia tích cực vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

❖ ***Hành động cụ thể:***

- Thiết lập chiến lược, mục tiêu phát triển và kế hoạch hành động một cách rõ ràng và thường xuyên đánh giá, xem xét và hiệu chỉnh trong quá trình thực hiện;
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro trong nội bộ Tổng công ty để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả và bền vững;
- Góp phần nâng cao nhận thức về quản trị rủi ro trong thị trường bảo hiểm/tái bảo hiểm Việt Nam thông qua các hoạt động: đào tạo và chuyển giao kỹ thuật quản trị rủi ro và phòng ngừa rủi ro; cung cấp và đánh giá các thông tin về thị trường bảo hiểm và tái bảo hiểm và các thông tin có liên quan;
- Cung cấp các sản phẩm mới cho thị trường đảm bảo đáp ứng nhu cầu của cộng đồng về bảo hiểm;
- Thu xếp tái bảo hiểm một cách an toàn và hiệu quả cho VINARE và các công ty nhượng tái, đảm bảo khả năng tài chính, thu hồi và chi trả bồi thường đầy đủ và kịp thời;
- Tư vấn chương trình tái bảo hiểm hiệu quả cho các công ty gốc;
- Tư vấn về các chính sách quản lý thị trường bảo hiểm và tái bảo hiểm, hướng tới sự phát triển bền vững;
- Đào tạo nhân lực về chuyên môn tái bảo hiểm cho thị trường;
- Tích cực tham gia các chương trình bảo vệ rủi ro cho cộng đồng: VINARE là nhà đứng đầu nhận tái bảo hiểm cho chương trình Bảo hiểm Nông nghiệp thí điểm theo Nghị định 135 của Chính phủ và chương trình Bảo hiểm Thủy sản theo Nghị định 67 của Chính phủ. Phối hợp với Cục Quản lý Giám sát Bảo hiểm (Bộ Tài chính), Ngân hàng Thế giới nghiên cứu triển khai Bảo hiểm Thiên tai tại Việt Nam;
- Dành một nguồn ngân sách hợp lý cho các hoạt động hỗ trợ cộng đồng.

❖ ***Những chính sách nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:***

- Khám sức khỏe định kỳ: hàng năm, Tổng công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động
- Các chế độ bảo hiểm: ngoài các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định hiện hành của Nhà nước như Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Thất nghiệp, Tổng công ty mua Bảo hiểm Tai nạn thân thể và Trợ cấp nằm viện cho người lao động
- Các khoản trợ cấp: người lao động được hưởng các khoản trợ cấp từ quỹ phúc lợi trong các trường hợp sau:
  - Khó khăn đột xuất, ốm đau, bệnh tật
  - Trợ cấp đối với lao động nữ nghỉ sinh con
  - Tặng quà nhân dịp sinh nhật, nghỉ hưu, kết hôn
  - Chi phí nghỉ mát hàng năm …

- Đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn: tùy theo nhu cầu hoạt động, kế hoạch và quy hoạch cán bộ, người lao động được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước
- Trong năm 2016, đã có 13 lượt cán bộ được cử đi đào tạo trong nước, 19 lượt cán bộ được cử đi đào tạo tại nước ngoài.
- Người lao động được hưởng thu nhập từ lương và các lợi ích khác theo cơ chế gắn liền với hiệu quả lao động sản xuất kinh doanh.
- Chính sách bổ nhiệm cán bộ được minh bạch – công khai theo qui trình và cẩn trọng thực hiện thông qua qui trình đánh giá hiệu quả làm việc cá nhân.

❖ ***Trách nhiệm đối với cộng đồng:***

- Hỗ trợ chương trình "Ngày mai tươi sáng" cho bệnh nhân mắc bệnh hiểm nghèo trị giá 50 triệu đồng
- Đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa của Công đoàn Bộ Tài chính: 60 triệu đồng
- Ủng hộ các quỹ xã hội và đồng bào bão lụt miền Trung: 73,6 triệu đồng
- Trong năm 2016, toàn thể cán bộ nhân viên VINARE tham gia dự án thể thao "Cùng VINARE đi dọc chiều dài đất nước 3.300 km" để gây quỹ từ thiện. Dự án diễn ra trong 33 ngày. Toàn bộ số tiền thu được (hơn 30 triệu đồng) đã được sử dụng để trao tặng cho 198 em học sinh của trường Tiểu học Thần sa, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên bao gồm áo ấm, tủ thuốc y tế, tủ sách, đồ dùng học tập và bánh kẹo
- VINARE cũng dành khoản ngân sách đáng kể cho các hoạt động từ thiện khác: ủng hộ ngày Thương binh Liệt sĩ, ủng hộ quỹ hưu trí và các hoạt động từ thiện khác

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- **Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh**
- **Những tiến bộ đã đạt được**
- **Tình hình tài chính**
- **Những cải tiến về cơ cấu, chính sách quản lý**
- **Kế hoạch kinh doanh 2017**
- **Báo cáo đánh giá trách nhiệm môi trường và xã hội**

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh:

Kinh doanh nhận - nhượng tái bảo hiểm:

❖ ***Thu phí nhận TBH năm 2016****:* Doanh thu phí 2016 tăng 2,4% so với 2015, đạt 95,7% KH đề ra; doanh thu phí giữ lại giảm 8,5%, đạt 83,9% KH đề ra do những nguyên nhân sau:

➢ Bên ngoài:

- Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ trong nước tăng trưởng 14.6% so với 2015, tuy nhiên phần lớn tập trung vào các nghiệp vụ bán lẻ thuộc mức giữ lại của các công ty BH gốc
- Thị trường bảo hiểm quốc tế đang có xu hướng "mềm" hơn → việc nhận dịch vụ từ thị trường nước ngoài khó khăn hơn, mặt bằng phí thu giảm. Việc gia tăng nhận dịch vụ từ thị trường nước ngoài cũng rất hạn chế
- Tình hình cạnh tranh vẫn tiếp tục diễn ra gay gắt, thể hiện qua việc hạ phí, mở rộng điều kiện, điều khoản, chi phí khai thác dịch vụ tăng cao

➢ Nội tại:

- Tiếp tục chủ trương tăng cường quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh TBH
- Nghiệp vụ Tài sản: tiếp tục quản trị rủi ro chặt chẽ đối với loại hình nghiệp vụ này do kết quả kinh doanh không được tốt, ví dụ hạ limit Cat 4 – 5 (là nhóm có nguy cơ rủi ro cao). Đối với dịch vụ tạm thời, VINARE đã từ chối nhiều dịch vụ dưới chuẩn.
- Nghiệp vụ Hàng hóa: doanh thu phí đạt 61% kế hoạch, phí giữ lại chỉ đạt 55% kế hoạch do:

  + Từ chối nhận dịch vụ tại nhóm khách hàng có nguy cơ rủi ro cao

  + Ảnh hưởng từ lượng phí thu được từ hàng hóa xuất khẩu, giảm phí và kim ngạch xuất khẩu từ một số khách hàng
- Tăng cường nhận dịch vụ từ nước ngoài trên cơ sở thận trọng đánh giá rủi ro

❖ ***Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại (bao gồm dự phòng bồi thường)****:* 273 tỷ VND, bằng 82,9% so với năm trước.

- Tổng số tiền bồi thường thuộc trách nhiệm nhận TBH VINARE phát sinh được ghi nhận trong năm 960,9 tỷ VND. Tổng số tiền thu bồi thường nhượng TBH phát sinh được ghi nhận trong năm 700,2 tỷ VND. Chi bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại phát sinh ghi nhận trong năm 260,8 tỷ VND, dự phòng bồi thường tăng 12,2 tỷ VND. Nguyên nhân:

  + Nghiệp vụ Tài sản: bồi thường thuộc TNGL giảm 35% do tác động của việc thắt chặt quản lý rủi ro, phân loại Cat 4, Cat 5 và các nỗ lực của thị trường trong việc đánh giá rủi ro trước khi cấp đơn, hạn chế cạnh tranh hạ phí, mở rộng điều kiện, điều khoản và tổn thất bất thường ít hơn so với năm trước

  + Nghiệp vụ Thân tàu: tiếp tục xảy ra nhiều tổn thất lớn, bồi thường thuộc TNGL tăng 25%

  + Các nghiệp vụ khác không có biến động lớn.

Công tác đầu tư tài chính:

❖ ***Thu nhập hoạt động đầu tư:***

- Thu nhập hoạt động đầu tư tài chính và hoạt động khác năm 2016 của VINARE đạt 213,4 tỷ VND, vượt 6,7% so với kế hoạch.

Đơn vị: Tr. VND

STT		2016	2015	2016/2015
A	**Doanh thu đầu tư & thu khác**	**239.212**	**289.571**	***82,6%***
1	Tiền gửi ngân hàng	130.266	138.834	*93,8%*
2	Trái phiếu	15.910	12.704	*125,2%*
3	Góp vốn cổ phần	27.347	28.110	*97,3%*
4	Chứng khoán, chứng chỉ quỹ	6.070	3.501	*173,4%*
5	Ủy thác đầu tư	27.518	24.067	*114,3%*
6	Văn phòng cho thuê	13.927	12.517	*111,3%*
7	Chênh lệch tỷ giá đánh giá ngoại tệ trong kỳ	12.345	46.077	*26,8%*
8	Chênh lệch tỷ giá đánh giá ngoại tệ cuối kỳ	4.683	20.452	*22,9%*
9	Thu nhập khác	1.146	3.309	*34,6%*
B	**Chi phí đầu tư & chi khác**	**25.747**	**47.940**	***53,7%***
C	**Thu nhập đầu tư & hoạt động khác (C=A-B)**	**213.465**	**241.631**	***88,3%***

Những tiến bộ Tổng Công ty đã đạt được:

- Tổng công ty năm thứ ba liên tiếp nằm trong danh sách 30 công ty niêm yết có điểm số cao nhất về minh bạch thông tin theo Chương trình Thẻ điểm Công bố thông tin và Minh bạch 2016 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Tổng giám đốc được vinh danh "Doanh nhân văn hóa xuất sắc thời kỳ đổi mới" và Tổng Công ty được tôn vinh "Doanh nghiệp mạnh và phát triển bền vững". Giải thưởng này do Trung tâm văn hóa doanh nhân và Tạp chí văn hóa doanh nhân (thuộc Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - VCCI) bình chọn;
- Tổng công ty đã vinh dự là một trong 125 Doanh nghiệp nhận Chứng nhận Thương hiệu hàng đầu - Top Brands 2016. Đây là giải thưởng được trao cho những doanh nghiệp đã áp dụng quy trình quản lý phát triển chỉ số năng lực cạnh tranh về Thương hiệu hàng đầu do Viện Nghiên cứu Kinh tế và Diễn đàn Liên kết Thương mại toàn cầu Global GTA;
- Tổng công ty phối hợp cùng Bảo hiểm Bảo Việt và Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re, với sự tư vấn của Tập đoàn dược phẩm Roche, đã liên kết xây dựng, phát triển sản phẩm bảo hiểm bệnh ung thư tại Việt Nam và chính thức được Bộ Tài chính phê chuẩn đưa ra thị trường;

- Tổng Công ty đã hoàn thành tốt kế hoạch cung cấp giá trị gia tăng cho thị trường vì sự phát triển ổn định và bền vững của thị trường bảo hiểm, cụ thể:
  - Tổ chức Hội nghị sơ kết bảo hiểm Tàu cá theo Nghị định 76/2014/NĐ-CP
  - Phối hợp với West of England P&I Club tổ chức hội thảo bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu tại Đà Nẵng
  - Phối hợp với Willis Re tổ chức Hội thảo chuyên đề về Kế toán nghiệp vụ
  - Phối hợp với Swiss Re tổ chức Hội thảo Bảo hiểm Trách nhiệm
  - Phối hợp với Swiss Re thực hiện "Hội thảo giới thiệu về bảo hiểm thiên tai cho thành phố Đà Nẵng"
  - Phối hợp với Swiss Re tổ chức Hội thảo Bảo hiểm Phong điện
  - Các hội thảo về chính sách và giải pháp phát triển bền vững của thị trường
- Tích cực tìm kiếm các giải pháp trong lĩnh vực Bảo hiểm Tàu cá, Bảo hiểm Nông nghiệp và các chuyên đề chính sách quản lý và phát triển thị trường bảo hiểm của chính phủ;
- Định kỳ rà soát tình hình tổn thất và rủi ro, trên cơ sở đó đưa ra khuyến cáo về quản trị rủi ro nội bộ và cho khách hàng;
- Trong tiến trình rà soát, đánh giá và hoàn thiện lại các chính sách phát triển nguồn lực, VINARE đã phối hợp cùng với cổ đông chiến lược Swiss Re tổ chức hội thảo về các chính sách phát triển nguồn lực;
- Đẩy mạnh hoạt động các Ban không chuyên: BMC, Pháp chế, Kiểm toán nội bộ, ...
- Triển khai xây dựng phần mềm Quản lý Nhân sự và phần mềm Kế toán tổng hợp;
- Phát triển và đưa vào sử dụng công cụ định phí (Costing Tool);
- Triển khai xây dựng năng lực về chuyên gia tính toán (Actuary);
- Tiếp tục duy trì mức xếp hạng tín nhiệm quốc tế (rating): Năng lực tài chính (FRS) mức B++ (Tốt) và năng lực tín dụng của tổ chức phát hành (ICR) mức "bbb";
- Phối hợp với các công ty bảo hiểm gốc đánh giá rủi ro và đào tạo về đánh giá rủi ro cho khách hàng: Hoạt động đánh giá rủi ro bảo hiểm là hoạt động thường xuyên, liên tục đối với doanh nghiệp bảo hiểm. Đội ngũ cán bộ bảo hiểm có kiến thức về lĩnh vực đánh giá rủi ro có yêu cầu kỹ thuật cao còn thiếu và yếu. Trong năm 2016, VINARE đã tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ cho lĩnh vực này của VINARE và thị trường. Hoạt động của Bộ phận đánh giá rủi ro của VINARE bắt đầu có hiệu ứng tích cực đối với kết quả kinh doanh của VINARE cũng như cung cấp giá trị gia tăng về quản trị rủi ro đối với thị trường;
- Tiếp tục triển khai chương trình SCA (Chương trình hợp tác chiến lược VINARE – Swiss Re) thực hiện một số nội dung: nâng cao năng lực cạnh tranh của VINARE trong các lĩnh vực: đào tạo và phát triển nguồn lực, năng lực cung cấp sản phẩm, năng lực khai thác, năng lực quản lý, năng lực đầu tư, tin học và đào tạo cho thị trường. Thành lập Ban Phát triển Dịch vụ Công nhằm tăng cường nghiên cứu các giải pháp và sản phẩm bảo hiểm đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế - xã hội;
- Hoạt động nổi bật khác: "Project S"
  - "Project S VINARE 2016" là một dự án đặc biệt do Đoàn Thanh niên và Công đoàn VINARE phối hợp thực hiện nhằm mục đích tăng cường sự gắn kết giữa đội ngũ cán bộ nhân viên thông qua các hoạt động tập thể, kết hợp xây dựng văn hóa doanh nghiệp và thực thi trách nhiệm xã hội với cộng đồng.
  - Với chủ đề "Cùng VINARE đi dọc chiều dài đất nước – 3.300 km", dự án đã phát động phong trào thể thao rèn luyện sức khỏe, thông qua đó huy động nguồn tài chính cho các

hoạt động từ thiện hỗ trợ cộng đồng. Kết quả đạt được từ các hoạt động thể dục thể thao của mỗi cá nhân được quy đổi ra "km" và tương ứng với số tiền được Tổng công ty tài trợ cho hoạt động giao lưu và tặng quà cho các em học sinh trường Tiểu học Thần Sa, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

- "Project S VINARE 2016" không chỉ được toàn thể cán bộ nhân viên VINARE nhiệt liệt hưởng ứng và tích cực tham gia mà còn tạo sự lan tỏa tới các thành viên gia đình và đồng nghiệp đến từ các công ty bảo hiểm là khách hàng và đối tác của VINARE.

Tình hình tài chính (Báo cáo hợp nhất):

❖ *Tình hình tài sản:*

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	2016	2015	% thay đổi
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)= (4)/(5)*
I	**TÀI SẢN**				
1	**Tổng tài sản**	**Tr. đ**	**6.350.350**	**6.465.307**	***98,22%***
1.1	Tiền, đầu tư ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác	Tr. đ	4.013.059	4.290.301	*93,54%*
1.2	Phải thu khách hàng (ngắn hạn)	Tr. đ	961.571	988.251	*97,30%*
1.3	Tài sản dài hạn	Tr. đ	1.375.720	1.186.755	*115,92%*
2	**Cơ cấu tài sản**				
2.1	Tài sản dài hạn/ tổng tài sản	%	21,66	18,36	
2.2	Tiền, đầu tư ngắn hạn và tài sản ngắn hạn khác/ tổng tài sản	%	63,19	66,36	
2.3	Nợ phải thu/Tổng tài sản	%	15,14	15,28	
B	**NGUỒN VỐN**				
1	**Tổng nguồn vốn**	**Tr. đ**	**6.350.350**	**6.465.307**	***98,22%***
1	Nợ phải trả	Tr. đ	3.595.005	3.812.072	*94,31%*
	Trong đó: Dự phòng nghiệp vụ	Tr. đ	2.563.848	2.759.085	*92,92%*
2	Vốn chủ sở hữu, trong đó	Tr. đ	2.755.345	2.653.235	*103,85%*
	Lợi ích cổ đông thiểu số	Tr. đ	30.444	30.236	*100,69%*
2	**Cơ cấu nguồn vốn**				
2.1	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	56,61	58,96	
2.2	Vốn chủ sở hữu/ tổng nguồn vốn	%	43,39	41,04	

- Tổng tài sản của Vinare tại thời điểm 31/12/2016 đạt 6.350 tỷ VND, bằng 98,22% so với năm 2015. Cơ cấu tài sản không có biến động lớn so với năm 2015.
- Tổng nợ phải thu là 962 tỷ đồng. Tỷ trọng nợ phải thu trên tổng tài sản năm 2016 là 15,14% và được trích dự phòng đầy đủ theo đúng qui định. Các khoản nợ phải thu chủ yếu là công nợ trong thanh toán tái bảo hiểm.
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 đạt 2.755 tỷ VND, bằng 103,85% so với năm 2015.

❖ *Tình hình nợ phải trả:*

Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2016 là 3.595 tỷ VND, chiếm 56,61% trên tổng nguồn vốn, bằng 94,31% so với năm 2015, trong đó dự phòng nghiệp vụ là 2.564 tỷ đồng chiếm 71,32% tổng nợ phải trả. Các khoản nợ phải trả chủ yếu là công nợ trong thanh toán tái bảo hiểm.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

- Thay đổi chính sách nhận/nhượng tái bảo hiểm theo hướng quản lý chặt chẽ rủi ro
- Tăng cường hoạt động của các Ban: Pháp chế, Quản lý nghiệp vụ, Hội đồng đầu tư, Kiểm soát nội bộ
- Ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại
- Ban hành Nội quy lao động và quy định theo dõi thời gian làm việc qua máy chấm công
- Sửa đổi Quy chế tiền lương, Quy chế Chi tiêu nội bộ, Quy chế Khen thưởng – Phúc lợi

Kế hoạch kinh doanh 2017:

***Kế hoạch kinh doanh năm 2017** (đã được HĐQT phê duyệt):*

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	2017	2016	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	1.770.000	1.655.558	6,9%
Doanh thu phí giữ lại	590.000	561.523	5,2%
Lợi nhuận trước thuế (*không bao gồm chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ*)	278.000	266.090	4,5%
Cổ tức dự kiến *(%)*	12%	12%	

❖ ***Chủ trương chung**:*

- Tập trung nâng cao năng lực cung cấp sản phẩm và giải pháp bảo hiểm, mở rộng quan hệ trao đổi dịch vụ trong nước và quốc tế nhằm tạo tiền đề cho việc đột phá trong thực thi chiến lược phát triển doanh số và thị phần
- Tiếp tục tăng cường quản trị rủi ro, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh TBH; Từng bước mở rộng thị trường TBH, nâng cao năng lực cung cấp giá trị gia tăng cho thị trường (quản lý rủi ro, đào tạo, sản phẩm, các giải pháp phát triển bền vững)

❖ ***Một số lĩnh vực cụ thể:***

- Tập trung nghiên cứu, triển khai các lĩnh vực, sản phẩm mới: Rủi ro thiên tai, Bancassurance, các sản phẩm BH cho khu vực công ....
- Khảo sát các thị trường quốc tế và lân cận để tìm kiếm cơ hội phát triển, mở rộng
- Tăng cường quản lý rủi ro và đánh giá rủi ro nhận TBH Tài sản
- Tập trung quản lý rủi ro nghiệp vụ Hàng hóa (hàng xá)
- Tăng cường năng lực cung cấp sản phẩm các nghiệp vụ Trách nhiệm
- Hoàn thành cơ sở dữ liệu khách hàng và thị trường; hoàn chỉnh giải pháp phát triển thị trường, khách hàng, sản phẩm, …

❖ ***Hoạt động đầu tư:***

- Tăng cường quản trị rủi ro, bảo toàn vốn
- Rà soát phân bổ danh mục đầu tư đảm bảo đúng các yêu cầu của pháp luật và hiệu quả đầu tư ngắn hạn và dài hạn

- Sửa đổi Quy chế Đầu tư cho phù hợp với các quy định mới và thực tế

Các giải pháp:

❖ ***Marketing:***

- Tiếp tục thực thi chính sách khách hàng đồng bộ:
  - Thiết lập và hoàn chỉnh hệ thống thông tin khách hàng, đánh giá thông tin khách hàng và sản phẩm/nghiệp vụ và phân loại khách hàng, sản phẩm/dịch vụ …
  - Thiết lập chính sách cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng: quản trị rủi ro, thông tin, đào tạo, sản phẩm mới, chính sách khen thưởng
  - Mở rộng mạng lưới quan hệ khách hàng trong và ngoài nước
- Thúc đẩy thương hiệu và hình ảnh VINARE trên thị trường trong nước và quốc tế
- Nghiên cứu khả năng mở rộng thị trường nước ngoài một cách thận trọng, khảo sát thị trường Lào, Campuchia, Myanma, Philippin...
- Tiếp tục nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới (Nat Cat, Tín dụng, ...), sản phẩm và kênh phân phối mới

❖ ***Quản trị rủi ro:***

- Tăng cường hoạt động giám định rủi ro của VINARE và thị trường
- Tăng cường năng lực chuyên gia tính toán
- Hoàn thiện công cụ định phí (Pricing Tool)

❖ ***Tài chính – Kế toán:***

- Tập trung kiểm soát, quản trị doanh thu - chi phí, các qui trình quản lý chi phí

❖ ***Tổ chức bộ máy:***

- Hoàn thiện hệ thống tổ chức quản lý: hoàn thiện hệ thống chức danh, mô tả công việc, đánh giá năng lực cán bộ
- Tăng cường công tác đào tạo nguồn nhân lực (tự đào tạo, thuê đào tạo …)
- Xây dựng mới hệ thống đánh giá hiệu quả làm việc dựa trên KPI

❖ ***Công nghệ thông tin:***

- Vận hành hệ thống IT an toàn, hiệu quả
- Bảo đảm an ninh/an toàn hệ thống
- Triển khai thiết lập hệ thống IT cho kế toán
- Hoàn thiện phần mềm quản lý nhân sự
- Xây dựng phần mềm và dữ liệu khách hàng và thị trường

Báo cáo đánh giá trách nhiệm môi trường và xã hội: đã báo cáo tại **Kết quả hoạt động kinh doanh 2016**

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY:

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Tổng công ty:

Hội đồng quản trị đánh giá chung:

Hội đồng quản trị đánh giá cao và ghi nhận nỗ lực của Tổng Công ty trong việc hoàn thành các mục tiêu Hội đồng quản trị đã giao trong bối cảnh khó khăn và các hoạt động khác nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của VINARE: năng lực quản lý, năng lực cung cấp sản phẩm, năng lực đầu tư, năng lực IT, năng lực khai thác…. Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận được giao.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc:

- Ban Giám đốc điều hành đã nghiêm túc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.
- Ban Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các Tiểu ban của Hội đồng quản trị
- Ban Giám đốc tham dự đầy đủ và tích cực tham gia ý kiến tại các cuộc họp Hội đồng quản trị .
- Các đề xuất của Ban Giám đốc đối với Hội đồng quản trị đều được nghiên cứu, thảo luận và có ý kiến chỉ đạo kịp thời.
- Tổng giám đốc đã chỉ đạo Tổng công ty và các cán bộ quản lý khác chấp hành đầy đủ, kịp thời các quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và các qui định của Nhà nước, Điều lệ Công ty niêm yết.
- Ban Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng công ty cũng như đã có những giải pháp thích ứng và hiệu quả trong hoạt động kinh doanh.

Kế hoạch, định hướng của HĐQT

HĐQT thông qua và chỉ đạo Tổng công ty thực hiện kế hoạch kinh doanh và các nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2017 như sau:

❖ Kế hoạch kinh doanh 2017:

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	2017	2016	Tăng trưởng
Doanh thu phí nhận	1,770,000	1.655.558	6,9%
Doanh thu phí giữ lại	590.000	561.523	5,2%
Lợi nhuận trước thuế (*không bao gồm chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ*)	278.000	266.090	4,5%
Cổ tức dự kiến *(%)*	12%	12%	

❖ Nhiệm vụ trọng tâm 2017:

- Hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh 2017
- Đẩy mạnh hoạt động của Ban Phát triển Kinh doanh Khu vực Công, hợp tác SCA, Marketing
- Bổ sung nguồn lực cho các lĩnh vực: BH Tài sản công, Rủi ro thiên tai, Nông nghiệp, Tàu cá và các giải pháp phát triển bền vững của thị trường
- Tăng cường chuỗi cung cấp giá trị gia tăng cho khách hàng, từng bước phát triển, mở rộng thị trường
- Đánh giá và phân bổ nguồn lực và hoàn chỉnh chính sách phát triển nguồn lực; kiện toàn tổ chức bộ máy; kiện toàn hệ thống chức danh và KPI
- Nâng cao năng lực chuyên gia tính toán
- Tăng cường quản lý rủi ro (nội bộ & cung cấp giá trị gia tăng)
- Duy trì/nâng hạng xếp hạng tín nhiệm
- Tập trung quản trị chi phí theo hướng hiệu quả
- Nâng cao năng lực đầu tư

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ❖ **Hội đồng quản trị**
- ❖ **Ban kiểm soát**
- ❖ **Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát**

Hội đồng quản trị

Thành phần HĐQT: Hội đồng quản trị nhiệm kỳ III (2015 – 2019) do Đại hội đồng cổ đông ngày 24/4/2015 bầu ra gồm có các thành viên sau:

- Ông Lê Song Lai – Chủ tịch
- Ông Martyn Parker – Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Phan Kim Bằng – Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Phạm Công Tứ - Ủy viên HĐQT
- Ông Beat Schnegg - Ủy viên HĐQT
- Ông Phạm Sỹ Danh - Uỷ viên HĐQT
- Ông Trần Vĩnh Đức - Uỷ viên HĐQT
- Ông Đào Nam Hải – Ủy viên HĐQT
- Ông Mai Xuân Dũng - Ủy viên HĐQT

Thành viên HĐQT độc lập:

- Ông Đào Nam Hải
- Ông Phạm Sỹ Danh

Các thành viên HĐQT không điều hành:

- Ông Lê Song Lai
- Ông Phan Kim Bằng
- Ông Trần Vĩnh Đức
- Ông Martyn Parker
- Ông Beat Schnegg
- Ông Đào Nam Hải

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu: *theo kết quả chốt danh sách cổ đông ngày 24/6/2016*

TT	Thành viên HĐQT	Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 7/3/2016		Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 24/6/2016	
		Đại diện tổ chức	Cá nhân	Đại diện tổ chức	Cá nhân
1	Lê Song Lai	15,26%	0,02%	15,26%	0,02%
2	Phạm Công Tứ	12,97%	0,21%	12,97%	0,21%
3	Mai Xuân Dũng	12,13%	0,03%	12,13%	0,03%
4	Phan Kim Bằng	9,18%	0%	9,18%	0%
5	Trần Vĩnh Đức	6,43%	0,02%	6,43%	0,02%
6	Martyn Parker	0%	0%	0%	0%
7	Đào Nam Hải	2,50%	0%	2,50%	0%
8	Beat Schnegg	0%	0%	0%	0%

9	Phạm Sỹ Danh	0%	0%	0%	0%

Các Tiểu ban của HĐQT:

- ***Tiểu ban Chính sách Phát triển:***
  - Ông Lê Song Lai, Trưởng Tiểu ban
  - Ông Martyn Parker, thành viên
  - Ông Phạm Công Tứ, thành viên
- ***Tiểu ban Nhân sự:***
  - Ông Phạm Sỹ Danh, Trưởng Tiểu ban
  - Ông Phan Kim Bằng, thành viên
  - Ông Beat Schnegg, thành viên
- ***Tiểu ban Thù lao & Lương thưởng:***
  - Ông Đào Nam Hải, Trưởng Tiểu ban
  - Ông Mai Xuân Dũng, thành viên
  - Ông Trần Vĩnh Đức, thành viên

Hoạt động của các Tiểu ban của HĐQT:

- ***Tiểu ban Chính sách phát triển:***
  - Tiến hành đánh giá chính sách chi trả cổ tức của Tổng công ty trong quá khứ
  - Xây dựng chính sách chi trả cổ tức giai đoạn 2016 – 2020
  - Đánh giá và rà soát chiến lược và mục tiêu chiến lược giai đoạn 2015 – 2020
  - Rà soát và hoàn chỉnh các quy định về quản trị công ty (đang tiến hành)
  - Cho ý kiến về báo cáo đánh giá thị trường và khách hàng
- ***Tiểu ban Nhân sự:***
  - Rà soát lại nội dung công việc, chương trình hành động của Tiểu ban Nhân sự
  - Cho ý kiến về qui hoạch và bổ nhiệm cán bộ
  - Tham dự và cho ý kiến về các chính sách phát triển nguồn lực
- ***Tiểu ban Thù lao & Lương thưởng:***
  - Rà soát và cho ý kiến về chính sách lương thưởng và đóng bảo hiểm xã hội
  - Chỉ đạo Tổng công ty xây dựng mới chính sách lương thưởng và bảo hiểm xã hội

Hoạt động của Hội đồng quản trị: Hội đồng quản trị đã họp 4 lần trong năm 2016

1. Phiên họp HĐQT lần thứ IV, Nhiệm kỳ III ngày 23/3/2016

- Phê duyệt báo cáo tài chính năm 2015;
- Phê duyệt phương án phân phối lợi tức năm 2015 và trình ĐHĐCĐ thông qua;
- Phê duyệt và trình ĐHĐCĐ thông qua thù lao của HĐQT, BKS, tổ thư ký HĐQT năm 2015;
- Thông qua Báo cáo giao dịch với bên có liên quan 2015;

- Thông qua Báo cáo giao dịch với các bên liên quan
- Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2015 và Quí I/2016;
- Bổ nhiệm lại ông Mai Xuân Dũng chức vụ Phó Tổng giám đốc VINARE, thời hạn 03 năm tính từ ngày 01/4/2016. Ông Mai Xuân Dũng được hưởng lương bậc II/IV hệ số Phó Tổng giám đốc từ ngày 01/4/2016 theo thang bảng lương hiện hành của VINARE, các lợi ích khác theo qui định của VINARE;
- Nhất trí và trình ĐHĐCĐ thông qua đề xuất của Ban kiểm soát về danh sách các công ty kiểm toán độc lập lựa chọn sử dụng kiểm toán năm 2016;
- HĐQT ủy quyền Chủ tịch HĐQT phê chuẩn các tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên 2016 và giải quyết các công việc phát sinh khác liên quan đến việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2016.

2. Phiên họp HĐQT lần thứ V, Nhiệm kỳ III ngày 27/4/2016

- Báo cáo kết quả kinh doanh Quý I/2016
- Báo cáo các công việc chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên 2016

3. Phiên họp HĐQT Phiên họp HĐQT lần thứ VI, Nhiệm kỳ III ngày 25/8/2016

- Ghi nhận báo cáo kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016 và tình hình thực hiện kế hoạch năm 2016
- Đồng ý để Ông Đặng Thế Vinh, Phó Tổng giám đốc, chính thức về hưu từ ngày 1/9/2016
- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Mạnh Linh chức vụ Phó Tổng giám đốc VINARE, thời hạn 3 năm tính từ 01/9/2016
- Thông qua dự kiện thời gian và nội dung cuộc họp HĐQT lần thứ 7, NK III

4. Phiên họp HĐQT lần thứ VII, Nhiệm kỳ III ngày 03/11/2016

- Báo cáo kết quả kinh doanh 9 tháng 2016
- Báo cáo phương án phát hành cổ phiếu ESOP

Ngoài các phiên họp trực tiếp nêu trên, HĐQT đã lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản và thông qua các quyết định sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Quyết định số 01/2016/QĐ- HĐQT	06/01/2016	Giao Tổng giám đốc quyết định các giao dịch với bên có liên quan của Người nội bộ
2	Quyết định số 02/2016/QĐ-HĐQT	02/02/2016	Phê duyệt thời gian, địa điểm và chương trình họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016
3	Quyết định số 06/2015/QĐ- HĐQT	07/4/2016	+ Cử cán bộ tham gia Ban kiểm tra tư cách cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 28/4/2016; + Chỉ định Tổ thư ký tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 28/4/2016; + Đề cử cán bộ để Đại hội đồng cổ đông thường niên 28/4/2016 bầu vào Ban kiểm phiếu.
4	Quyết định số 08/2016/QĐ- HĐQT	21/4/2016	Thông qua toàn văn và trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn Điều lệ Tổ chức và Hoạt động sửa đổi lần thứ 4 của VINARE.

5	Quyết định số 10/2016/QĐ- HĐQT	8/6/2016	Nhất trí lựa chọn Deloitte Việt Nam là công ty kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính 2016 của VINARE.
6	Quyết định số 14/2016/QĐ- HĐQT	20/12/2016	Phê chuẩn chương trình Tái bảo hiểm 2017 của VINARE

Ban Kiểm soát

Thành phần BKS: Ban Kiểm soát nhiệm kỳ III (2015 – 2019) do Đại hội đồng cổ đông ngày 24/4/2015 bầu ra gồm có các thành viên:

- Ông Trần Trung Tính - Trưởng ban kiểm soát
- Bà Lê Thị Thanh Hiền - Ủy viên
- Ông Deepak Mohan - Ủy viên
- Ông Đỗ Quang Khánh - Uỷ viên
- Ông Trần Phan Việt Hải - Uỷ viên

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu: *theo kết quả chốt danh sách cổ đông ngày 7/3/2016*

TT	Thành viên BKS	Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 7/3/2016		Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu 24/6/2016	
		Đại diện tổ chức	Cá nhân	Đại diện tổ chức	Cá nhân
1	Trần Trung Tính	0,97%	0%	0,82%	0%
2	Lê Thị Thanh Hiền	0%	0%	0%	0%
3	Đỗ Quang Khánh	1,49%	0%	1,49%	0%
4	Deepak Mohan	0%	0%	0%	0%
5	Trần Phan Việt Hải	0,71%	0,003%	0,71%	0,003%

Các cuộc họp của Ban kiểm soát:

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Trần Trung Tính	Trưởng ban	02	100%	
2	Lê Thị Thanh Hiền	Thành viên	02	100%	
3	Đỗ Quang Khánh	Thành viên	02	100%	
4	Deepak Mohan	Thành viên	02	100%	
5	Trần Phan Việt Hải	Thành viên	02	100%	

Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đầy đủ, chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Vinare, theo đúng phân công và quy chế làm việc của Ban Kiểm soát, cụ thể:

- Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2015, trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị lựa chọn công ty Kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016, tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 và tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị.
- Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty.
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 6 tháng của Tổng Công ty.
- Xem xét các kế hoạch, báo cáo của Tổng Công ty về đầu tư, các phương án phát triển hợp tác kinh doanh, công tác quản lý tổ chức, lao động tiền lương, thưởng, các chế độ chính sách liên quan đến người lao động và Tổng Công ty.
- Phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các phòng ban quản lý, nghiệp vụ Tổng Công ty.

Ngoài ra, thực hiện nhiệm vụ và chức năng của Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát thường xuyên giám sát các hoạt động kinh doanh, công tác quản trị và điều hành của Tổng công ty cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (VINARE) theo các mảng nghiệp vụ được phân công trong Ban kiểm soát.

Căn cứ kết quả thẩm định trên báo cáo tài chính, báo cáo nghiệp vụ và kết quả làm việc với Ban Tổng giám đốc. Ban kiểm soát đánh giá như sau:

Về Hoạt động kinh doanh:

- Hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh về lợi nhuận, chỉ tiêu phí nhận tăng trưởng 2,4% so với năm 2016 và đạt 95,7% so với kế hoạch.
- Thực hiện nghiêm túc các quy định liên quan đến công tác tài chính, trích lập dự phòng đầy đủ và theo nguyên tắc thận trọng.
- Nỗ lực nâng cao năng lực cạnh tranh của VINARE

Về Quản trị điều hành:

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành sát sao, quan điểm minh bạch rõ ràng.
- Các vấn đề ra quyết định đều được thảo luận và thông báo đầy đủ tới ban điều hành và Ban kiểm soát.
- Ban điều hành chấp hành nghiêm túc các Nghị quyết, chỉ đạo từ HĐQT
- Tổ chức phối kết hợp hiệu quả giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các Tiểu ban của Hội đồng quản trị

Về Quản lý tài chính:

- Năm 2016 biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty đạt 1.611.742 triệu đồng so với biên khả năng thanh toán tối thiểu theo quy định là 206.945 triệu đồng, cao gấp 7,79 lần so với biên khả năng thanh toán tối thiểu.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên số 06/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2013, thù lao của HĐQT (bao gồm cả thù lao thành viên HĐQT chuyên trách), BKS, tổ thư ký giúp việc là 3,85 tỷ VND/năm. Việc xác định mức thù lao của các thành viên được thực hiện theo quyết định số 11/2015/QĐ-HĐQT ngày 21/8/2015.

Đối với Ban Giám đốc và Kế toán trưởng, lương và các lợi ích khác thực hiện theo quyết định của HĐQT (quyết định số 02/2012/QĐ-HĐQT ngày 20/3/2012, quyết định số 01/2006/NQ-HĐQT ngày 19/1/2006).

Thu nhập của từng thành viên theo kết quả kinh doanh năm 2016:

❖ **Hội đồng quản trị**:

Đơn vị: VND

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
1	Lê Song Lai	Chủ tịch, Trưởng Tiểu ban Chính sách phát triển	347.170.699
2	Martyn Parker	Phó Chủ tịch	207.841.091
3	Phan Kim Bằng	Phó Chủ tịch	233.821.228
4	Phạm Công Tứ	Thành viên, Tổng Giám đốc	1.984.542.974
5	Trần Vĩnh Đức	Thành viên	198.388.825
6	Đào Nam Hải	Thành viên, Trưởng Tiểu ban Thù lao & Lương thưởng	252.388.825
7	Beat Schnegg	Thành viên	176.345.622
8	Phạm Sỹ Danh	Thành viên, Trưởng Tiểu ban Nhân sự	252.388.825
9	Mai Xuân Dũng	Thành viên, Phó Tổng giám đốc	1.458.054.960

❖ **Ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập
1	Trần Trung Tính	Trưởng BKS	141.356.423
2	Lê Thị Thanh Hiền	Thành viên BKS	129.693.357
3	Đỗ Quang Khánh	Thành viên BKS	116.724.021
4	Deepak Mohan	Thành viên BKS	103.754.686
5	Trần Phan Việt Hải	Thành viên BKS	116.724.021

❖ **Ban Tổng giám đốc & Kế toán trưởng**

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập

1	Phạm Công Tứ	Tổng Giám đốc	Như trên
2	Đặng Thế Vinh *(nghỉ hưu từ ngày 01/9/2016)*	Phó Tổng giám đốc	972.411.443
3	Mai Xuân Dũng	Phó Tổng giám đốc	Như trên
4	Nguyễn Mạnh Linh *(bổ nhiệm PTGĐ từ ngày 01/9/2016)*		741.869.276
4	Yves-Daniel Cochand	Phó Tổng giám đốc	1.238.197.866
5	Lưu Thị Việt Hoa	Kế toán trưởng, thư ký HĐQT	1.540.207.602

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Quỹ FTIF - Templeton Frontier Markets Fund	Cổ đông	5.782.195	4,41%	5.741,795	4,38%	Bán

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có

Thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Tổng công ty đã chấp hành tốt các quy định về quản trị công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC.

Đối với quy định về số lượng thành viên HĐQT độc lập, hiện nay Tổng công ty mới có 2/9 thành viên HĐQT độc lập. Theo yêu cầu của Thông tư 121/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính, số thành viên HĐQT độc lập tối thiểu là 1/3 và được làm tròn xuống.

HĐQT đã tiến hành rà soát các yêu cầu của Thông tư 121 và sẽ hoàn thiện yêu cầu này trong thời gian sớm nhất có thể.

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Phạm Công Tứ

Phụ lục
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN 2016

Deloitte.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Song Lai	Chủ tịch
Ông Phan Kim Bằng	Phó Chủ tịch
Ông Martyn Parker	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Công Tứ	Thành viên
Ông Trần Vĩnh Đức	Thành viên
Ông Đào Nam Hải	Thành viên
Ông Phạm Sỹ Danh	Thành viên
Ông Beat Schnegg	Thành viên
Ông Mai Xuân Dũng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Công Tứ	Tổng Giám đốc
Ông Đặng Thế Vinh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2016)
Ông Nguyễn Mạnh Linh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2016)
Ông Mai Xuân Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Yves-Danil Conchand	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM QUỐC GIA VIỆT NAM

Phạm Công Tứ
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Deloitte.

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex,
34 Láng Hạ, P. Láng Hạ,
Q. Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +844 6288 3568
Fax :+844 6288 5678
www.deloitte.com/vn

Số: 469 /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2017, từ trang 04 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM

Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc Kiểm toán
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1291-2013-001-1

Phạm Tuấn Linh
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3001-2014-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150+190)	**100**		**4.974.630.577.596**	**5.278.551.452.636**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**75.029.558.127**	**215.489.620.218**
1. Tiền	111		70.829.558.127	200.489.620.218
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.200.000.000	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**6**	**2.045.815.094.125**	**1.974.741.015.580**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		19.154.237.103	31.067.564.861
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(325.057.978)	(6.726.549.281)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.026.985.915.000	1.950.400.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**961.571.460.468**	**988.251.433.312**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.017.813.026.176	1.035.509.379.741
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	*131.1*		*671.608.358.009*	*702.403.057.743*
1.2. Phải thu khác của khách hàng	*131.2*		*346.204.668.167*	*333.106.321.998*
2. Trả trước cho người bán	132		-	56.500.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		342.986.056	338.755.051
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(56.584.551.764)	(47.653.201.480)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**53.899.538**	**206.866.990**
1. Hàng tồn kho	141		53.899.538	206.866.990
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**168.059.020.152**	**159.203.478.279**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	167.284.562.994	158.476.806.806
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	*151.1*		*162.868.724.418*	*158.476.806.806*
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	*151.2*		*4.415.838.576*	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		774.457.158	726.671.473
VI. Tài sản tái bảo hiểm	**190**		**1.724.101.545.186**	**1.940.659.038.257**
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191		538.028.932.731	490.575.015.171
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		1.186.072.612.455	1.450.084.023.086

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	**200**		**1.375.719.859.874**	**1.186.755.428.812**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**22.000.000.000**	**22.000.000.000**
1. Phải thu dài hạn khác	216		22.000.000.000	22.000.000.000
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	*216.1*		*22.000.000.000*	*22.000.000.000*
II. Tài sản cố định	**220**		**16.033.364.231**	**25.264.330.092**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	6.495.512.172	8.583.315.430
- Nguyên giá	*222*		*25.150.907.036*	*25.113.907.036*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(18.655.394.864)*	*(16.530.591.606)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	9.537.852.059	16.681.014.662
- Nguyên giá	*228*		*32.434.195.934*	*32.434.195.934*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(22.896.343.875)*	*(15.753.181.272)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**	**12**	**12.400.600.817**	**13.817.812.339**
- Nguyên giá	231		34.055.061.893	34.055.061.893
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(21.654.461.076)	(20.237.249.554)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**13.558.937.466**	**13.391.695.266**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		13.558.937.466	13.391.695.266
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**6**	**1.243.783.596.892**	**1.050.936.263.290**
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		202.802.787.058	186.566.776.135
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		476.140.070.000	472.000.270.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.852.282.403)	(17.236.940.220)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		568.693.022.237	409.606.157.375
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**67.943.360.468**	**61.345.327.825**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	1.274.232.265	2.737.416.738
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		413.921.992	211.038.209
3. Tài sản dài hạn khác	268	9	66.255.206.211	58.396.872.878
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**6.350.350.437.470**	**6.465.306.881.448**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	**300**		**3.595.005.021.683**	**3.812.072.305.307**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**3.589.718.589.047**	**3.808.248.264.821**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	865.492.353.438	836.534.241.830
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	*311.1*		*607.989.414.980*	*598.460.877.116*
1.2. Phải trả khác cho người bán	*311.2*		*257.502.938.458*	*238.073.364.714*
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.014.397.619	1.562.551.137
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	9.054.718.644	7.883.683.343
4. Phải trả người lao động	314		16.045.137.270	14.028.770.977
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	5.981.538.353	70.799.143.985
6. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	15	112.089.806.982	104.434.105.144
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		15.192.932.223	13.921.185.579
8. Dự phòng nghiệp vụ	329	16	2.563.847.704.518	2.759.084.582.826
8.1. Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	*329.1*		*789.464.591.202*	*750.087.992.887*
8.2. Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	*329.2*		*1.582.784.781.398*	*1.834.243.959.691*
8.3. Dự phòng dao động lớn	*329.3*		*191.598.331.918*	*174.752.630.248*
II. Nợ dài hạn	**330**		**5.286.432.636**	**3.824.040.486**
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	3.216.822.676	2.864.775.901
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		2.069.609.960	959.264.585
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	**400**		**2.755.345.415.787**	**2.653.234.576.141**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**2.755.345.415.787**	**2.653.234.576.141**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	17	1.310.759.370.000	1.310.759.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*1.310.759.370.000*	*1.310.759.370.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	566.368.537.309	566.368.537.309
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	17	196.247.856.004	191.870.712.711
4. Quỹ dự trữ bắt buộc	419	17	114.427.745.725	103.484.887.493
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	17	537.098.212.962	450.515.403.971
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*319.439.466.971*	*294.219.533.934*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*217.658.745.991*	*156.295.870.037*
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		30.443.693.787	30.235.664.657
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**6.350.350.437.470**	**6.465.306.881.448**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Ngoại tệ các loại			
Đô la Mỹ	USD	6.421.292,55	8.381.359,93
Đô la Úc	AUD	383,11	400,63
Yên Nhật	JPY	32.363,00	33.815,00
Đô la Singapore	SGD	478,21	500,29
Bảng Anh	GBP	187,81	194,41
Đồng tiền chung Châu Âu	EUR	180.250,61	180.029,78

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thành Công	Lưu Thị Việt Hoa	Phạm Công Tứ

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	964.477.551.001	991.766.780.590
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	216.337.521.129	214.820.980.122
3. Thu nhập khác	13	14.721.212.478	15.483.600.730
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	818.356.988.482	893.251.421.348
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	25.907.732.774	(3.126.134.030)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	88.812.375.162	65.404.937.283
7. Chi phí khác	24	2.744.439.173	7.031.547.302
8. Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết	25	27.502.342.383	31.273.955.286
9. Lỗ thí điểm bảo hiểm nông nghiệp	26	(46.732.312)	-
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24+25+26)	**50**	**287.170.359.088**	**290.783.544.825**
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	47.388.463.218	49.687.681.626
12. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(202.883.783)	19.932.765
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**	**239.984.779.653**	**241.075.930.434**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.2-01.3)	**01**	**18**	**1.615.531.301.918**	**1.564.341.904.156**
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		1.655.557.770.806	1.617.142.212.907
- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	01.3		40.026.468.888	52.800.308.751
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1-02.2)	**02**	**19**	**1.046.187.700.508**	**977.476.921.403**
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		1.094.034.381.793	1.003.698.253.815
- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		47.846.681.285	26.221.332.412
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)	**03**		**569.343.601.410**	**586.864.982.753**
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)	**04**		**395.133.949.591**	**404.901.797.837**
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		219.843.156.945	206.685.148.032
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2	20	175.290.792.646	198.216.649.805
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)	**10**		**964.477.551.001**	**991.766.780.590**
6. Chi bồi thường (11=11.1)	**11**		**960.920.990.969**	**1.074.032.964.965**
- Tổng chi bồi thường	11.1		960.920.990.969	1.074.032.964.965
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		700.149.869.512	742.339.034.035
8. (Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	13		(254.549.864.081)	265.115.068.515
9. (Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(266.798.257.259)	267.470.688.657
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)	**15**	**21**	**273.019.514.635**	**329.338.310.788**
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16		16.845.701.670	18.403.318.772
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)	**17**		**528.491.772.177**	**545.509.791.788**
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		340.266.357.974	332.946.516.626
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2	22	188.225.414.203	212.563.275.162
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)	**18**		**818.356.988.482**	**893.251.421.348**
14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)	**19**		**146.120.562.519**	**98.515.359.242**

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	23	216.337.521.129	214.820.980.122
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	24	25.907.732.774	(3.126.134.030)
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	**25**		**190.429.788.355**	**217.947.114.152**
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	88.812.375.162	65.404.937.283
19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+25-26)	**30**		**247.737.975.712**	**251.057.536.111**
20. Thu nhập khác	31		14.721.212.478	15.483.600.730
21. Chi phí khác	32		2.744.439.173	7.031.547.302
22. Lợi nhuận khác (40=31-32)	**40**		**11.976.773.305**	**8.452.053.428**
23. Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết	40.1		27.502.342.383	31.273.955.286
24. Lỗ hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp	40.2	27	(46.732.312)	-
25. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+40.1+40.2)	**50**		**287.170.359.088**	**290.783.544.825**
26. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	47.388.463.218	49.687.681.626
27. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	(202.883.783)	19.932.765
28. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**239.984.779.653**	**241.075.930.434**
Phân phối cho:				
Cổ đông của Tổng Công ty	61		239.776.750.523	242.587.261.637
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	62		208.029.130	(1.511.331.203)
29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**30**	**1.777**	**1.802**

Nguyễn Thành Công	Lưu Thị Việt Hoa	Phạm Công Tứ
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	01	614.320.769.133	711.375.841.572
2. Tiền chi cho hoạt động kinh doanh nhận, nhượng tái bảo hiểm	02	(416.906.000.524)	(451.663.312.615)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(37.038.487.827)	(34.061.092.970)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(46.594.766.144)	(49.100.000.000)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.510.433.330	6.023.317.227
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(15.778.538.783)	(25.253.155.676)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***103.513.409.185***	***157.321.597.538***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(160.367.200)	(1.280.955.283)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.561.862.112.913)	(1.617.364.844.860)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.314.534.517.187	1.360.031.966.696
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.139.800.000)	-
5. Tiền thu lãi đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	203.664.147.878	206.681.863.718
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(47.963.615.048)***	***(51.931.969.729)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(196.718.736.500)	(196.271.082.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(196.718.736.500)***	***(196.271.082.000)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	**50**	**(141.168.942.363)**	**(90.881.454.191)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**215.489.620.218**	**297.587.919.060**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	708.880.272	8.783.155.349
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	**70**	**75.029.558.127**	**215.489.620.218**

Nguyễn Thành Công	Lưu Thị Việt Hoa	Phạm Công Tứ
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 28/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 15 tháng 11 năm 2004 và Giấy phép điều chỉnh số 28/GPĐC4/KDBH ngày 12 tháng 8 năm 2014.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 100 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 96 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Đầu tư Vinare với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết tương ứng là 63,9% và 60%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty có một công ty liên kết là Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina với tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết đều là 25%.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN VÀ QUY ĐỊNH MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.

Ngày 01 tháng 7 năm 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị định 73/2016/NĐ-CP ("Nghị định 73") quy định chi tiết thi hành luật kinh doanh bảo hiểm và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật kinh doanh bảo hiểm. Nghị định 73 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Nghị định 73 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Tổng Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Tổng Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất .

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu ngắn hạn của khách hàng, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác, dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Việc tính toán dự phòng phải thu được thực hiện cho từng khách hàng như sau:

Đối với các khách hàng có tổng số dư phải thu liên quan đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm nhỏ hơn tổng số dư phải trả liên quan đến bảo hiểm, Tổng Công ty không thực hiện trích lập dự phòng. Trường hợp ngược lại, Tổng Công ty sẽ bù trừ số dư phải trả liên quan đến hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm với số dư phải thu liên quan đến bảo hiểm theo nguyên tắc trừ lùi từ khoản nợ phải thu quá hạn dài nhất đến ngắn nhất. Sau khi xác định số còn phải thu theo từng khách hàng, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính trên cơ sở:

- Không trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán dưới 6 tháng;
- Đối với các khoản phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng, tỷ lệ trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 30%;
- Đối với các khoản phải thu quá hạn từ 12 tháng đến dưới 24 tháng, tỷ lệ trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 50%;
- Đối với các khoản phải thu quá hạn từ 24 tháng đến dưới 36 tháng, tỷ lệ trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 70%;
- Đối với các khoản phải thu quá hạn từ 36 tháng trở lên, tỷ lệ trích lập dự phòng phải thu khó đòi là 100%.

Các hợp đồng hoán đổi

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch tỷ giá được xác định trước. Tại ngày hiệu lực của cam kết, Tổng Công ty thanh toán cho đối tác một số tiền gốc bằng ngoại tệ và ghi nhận như một khoản phải thu. Đồng thời, Tổng Công ty hạch toán số tiền VND nhận được từ đối tác trên các khoản mục phải phải trả. Lãi /lỗ phát sinh từ các hợp đồng hoán đổi được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	4
Tài sản cố định khác	4 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm tái bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là 5 năm.

Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán kinh doanh được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp".

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định về kế toán hiện hành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà văn phòng do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí hoa hồng chưa phân bổ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất , sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ký quỹ bảo hiểm

Tổng Công ty phải ký quỹ bảo hiểm bằng 2% vốn pháp định, khoản ký quỹ này được hưởng lãi theo thỏa thuận với ngân hàng nơi ký quỹ và được thu hồi khi chấm dứt hoạt động. Tiền ký quỹ chỉ được sử dụng để đáp ứng các cam kết đối với bên mua bảo hiểm khi khả năng thanh toán bị thiếu hụt và phải được Bộ Tài chính chấp thuận bằng văn bản.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi việc giao kết bằng hợp đồng được xác lập và khi Tổng Công ty chấp nhận các bảng thanh toán với các nhà nhượng tái cho Tổng Công ty. Đối với nghiệp vụ nhượng tái, cơ sở ghi nhận là bảng thanh toán do Tổng Công ty lập nên để chuyển đi cho các nhà nhận tái của Tổng Công ty và đã được các nhà nhận tái xác nhận. Việc ghi nhận này phù hợp với quy định về chế độ tài chính đối với doanh nghiệp tái bảo hiểm.

Hoa hồng và các khoản thu khác từ hoạt động tái bảo hiểm được ghi nhận khi thực tế phát sinh. Trong năm, toàn bộ hoa hồng nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng nhượng tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính áp dụng với doanh nghiệp tái bảo hiểm được ghi nhận vào khoản mục Doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm.

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty phải xác định doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng tương ứng với khoản phí nhượng tái bảo hiểm chưa được ghi nhận trong năm để phân bổ vào năm tài chính tiếp theo theo phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư cổ phiếu được ghi nhận khi có thông báo chia lãi của công ty nhận đầu tư.

Thu nhập từ lãi tiền gửi, lãi công trái, lãi trái phiếu ngân hàng, lãi trái phiếu Chính phủ, lãi cho vay được ghi nhận khi phát sinh.

Thu nhập từ hoạt động cho thuê văn phòng được ghi nhận khi phát sinh.

Ghi nhận chi phí

Chi phí bồi thường được ghi nhận trên cơ sở phát sinh khi Tổng Công ty chấp thuận bồi thường theo thông báo bồi thường.

Các khoản chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh, trên cơ sở bảng thông báo tái của các nhà tái bảo hiểm gửi cho Tổng Công ty và Tổng Công ty chấp thuận bồi thường. Các khoản thu đòi bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở phát sinh theo số phải thu tương ứng với chi phí bồi thường đã ghi nhận trong năm và tỷ lệ nhượng tái.

Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận tương ứng với số phí nhận tái bảo hiểm phát sinh. Trong năm, toàn bộ hoa hồng nhận tái bảo hiểm theo hợp đồng nhận tái bảo hiểm đã giao kết theo quy định của chế độ tài chính được phản ánh vào khoản mục Chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm.

Cuối năm tài chính, Tổng Công ty phải xác định chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính vào chi phí trong năm tương ứng với phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng để phân bổ vào năm tài chính tiếp theo theo phương pháp tỷ lệ 25% đối với loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hóa và 50% đối với các loại hình bảo hiểm khác.

Ghi nhận doanh thu khác, chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm

Đối với các khoản đặt cọc phát sinh từ hợp đồng tái bảo hiểm, Tổng Công ty ghi nhận vào doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm khi nhận tiền đặt cọc và ghi nhận vào chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm khi trả tiền đặt cọc.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tổng Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

Ngoại tệ

- Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ trong năm, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá hạch toán là 22.500 VND/Đô la Mỹ (USD) (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015: 21.400 VND/USD). Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ trong năm ban đầu được quy đổi sang VND theo tỷ giá hạch toán và sau đó được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày thanh toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

- Đối với số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả liên quan đến việc hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm trong năm có gốc USD: Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản công nợ phải thu được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày này là 22.715 VND/USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 22.450 VND/USD), số dư các khoản công nợ phải trả được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày này là 22.785 VND/USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 22.540 VND/USD). Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

- Đối với số dư các khoản công nợ phải thu, phải trả liên quan đến việc hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm trong năm có gốc ngoại tệ các loại khác USD được quy đổi về USD theo tỷ giá hạch toán: Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản công nợ phải thu được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá mua của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày này là 22.715 VND/USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 22.450 VND/USD), số dư các khoản công nợ phải trả được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam tại ngày này là 22.785 VND/USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 22.540 VND/USD). Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- Đối với số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả không liên quan đến việc hạch toán doanh thu, chi phí trong năm có gốc ngoại tệ, Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các quỹ tại doanh nghiệp

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ là 5% cho tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Toàn bộ phần lợi nhuận được sử dụng để trả cổ tức cho các cổ đông, trích lập Quỹ dự trữ bắt buộc, Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng phúc lợi. Tỷ lệ phân phối cho từng khoản mục trên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo đề nghị của Hội đồng Quản trị. Tuy nhiên, theo Điều lệ của Tổng Công ty, Hội đồng Quản trị có thể thanh toán cổ tức nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng Công ty.

Dự phòng nghiệp vụ

Ngày 19 tháng 4 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 5297/BTC-QLBH về việc đăng ký phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam kể từ năm 2012. Theo đó, việc trích lập các quỹ dự phòng nghiệp vụ của Tổng Công ty trong năm được thực hiện như sau:

Dự phòng phí: Mức trích lập quỹ dự phòng phí nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm đối với các loại hình bảo hiểm vận chuyển hàng hoá (đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không) được tính bằng 25% phí nhận tái bảo hiểm và phí nhượng tái bảo hiểm; đối với các loại hình bảo hiểm khác được tính bằng 50% phí nhận tái bảo hiểm và phí nhượng tái bảo hiểm trong năm.

Dự phòng bồi thường:

- Đối với các tổn thất đã phát sinh và đã nhận được thông báo, Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm theo phương pháp từng hồ sơ, dựa trên mức trách nhiệm đối với các tổn thất đã xảy ra và đã nhận được thông báo.
- Đối với dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa được thông báo (IBNR), Tổng Công ty trích lập bằng 5% phí bảo hiểm nhận tái và nhượng tái của tất cả các nghiệp vụ.

Dự phòng dao động lớn: Được trích hàng kỳ theo phương pháp thống kê (tỷ lệ 3% trên mức phí giữ lại của tất cả các nghiệp vụ) cho đến khi bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại của kỳ theo hướng dẫn tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 ("Nghị định 46") và Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016 thay thế Nghị định 46, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Ngày 28 tháng 9 năm 2005, Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19 - "Hợp đồng bảo hiểm" kèm theo Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC áp dụng từ năm 2006. Theo quy định của Chuẩn mực này, tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp bảo hiểm không được trích lập các loại dự phòng để bồi thường trong tương lai nếu các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng này không tồn tại tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính, trong đó bao gồm cả dự phòng dao động lớn. Hiện tại, theo hướng dẫn tại các Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007 ("Nghị định 46") và Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 01 tháng 7 năm 2016 thay thế Nghị định 46, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, các doanh nghiệp bảo hiểm phải trích lập dự phòng dao động lớn. Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có thông tư hướng dẫn chi tiết việc áp dụng Chuẩn mực kế toán trên nên việc Tổng Công ty vẫn trích lập dự phòng dao động lớn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là thận trọng hơn các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 19.

Các khoản dự phòng cho hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm và hoạt động kinh doanh nhượng tái được trình bày riêng biệt trên các chỉ tiêu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Theo đó, các khoản dự phòng phí nhận tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường của hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm, dự phòng dao động lớn được phản ánh là nợ phải trả; dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng và dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	2.168.042.373	2.201.818.272
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	68.661.515.754	198.287.801.946
Các khoản tương đương tiền	4.200.000.000	15.000.000.000
	75.029.558.127	**215.489.620.218**

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Chứng khoán kinh doanh	**19.154.237.103**	**18.829.179.125**	**(325.057.978)**	**31.067.564.861**	**25.877.908.800**	**(6.726.549.281)**
- Tổng giá trị cổ phiếu	19.154.237.103	18.829.179.125	(325.057.978)	31.067.564.861	25.877.908.800	(6.726.549.281)
+ Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIC)	-	-	-	*1.458.310.200*	*2.626.241.500*	-
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (MBB)	*9.493.272.330*	*9.422.700.000*	*(70.572.330)*	*114.205*	*131.400*	-
+ Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (SDT)	-	-	-	*10.004.752.882*	*7.115.440.000*	*(2.889.312.882)*
+ Công ty Cổ phần FPT (FPT)	*9.291.055.275*	*9.291.055.275*	-	*9.291.055.275*	*9.660.000.000*	-
+ Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (PET)	-	-	-	*7.435.328.889*	*5.676.240.500*	*(1.759.088.389)*
+ Khác	*369.909.498*	*115.423.850*	*(254.485.648)*	*2.878.003.410*	*799.855.400*	*(2.078.148.010)*
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	**2.595.678.937.237**		**(1.893.633.934)**	**2.360.006.157.375**		-
b1) Ngắn hạn	***2.026.985.915.000***		-	***1.950.400.000.000***		-
- Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn (i)	2.026.985.915.000		-	1.920.400.000.000		-
- Trái phiếu (iii)	-		-	30.000.000.000		-
b2) Dài hạn	***568.693.022.237***		***(1.893.633.934)***	***409.606.157.375***		-
- Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn (ii)	185.000.000.000		-	68.000.000.000		-
- Trái phiếu (iii)	170.000.000.000		-	180.000.000.000		-
- Các khoản ủy thác đầu tư (iv)	207.371.816.174		(1.893.633.934)	147.926.617.979		-
- Đầu tư dài hạn khác	6.321.206.063		-	13.679.539.396		-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	**678.942.857.058**		**(1.958.648.469)**	**658.567.046.135**		**(17.236.940.220)**
- Đầu tư vào công ty liên kết	202.802.787.058		-	186.566.776.135		-
- Đầu tư vào đơn vị khác (v)	476.140.070.000		(1.958.648.469)	472.000.270.000		(17.236.940.220)

(i) Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 03 tháng và thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2016 tại các ngân hàng thương mại trong nước, với mức lãi suất từ 6% đến 7,5%/năm.

(ii) Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi có thời hạn trên 12 tháng tại các ngân hàng thương mại trong nước và Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Home Credit Việt Nam, với mức lãi suất từ 7,1% đến 10,2%/năm.

(iii) Thể hiện trái phiếu doanh nghiệp và trái phiếu Chính phủ có thời gian đáo hạn từ 01 đến 06 năm với mức lãi suất từ 7,255% đến 9,5%/năm.

(iv) Các khoản ủy thác đầu tư thể hiện các hợp đồng ủy thác đầu tư ký với Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Công ty TNHH Quản lý Quỹ Bảo Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn. Tổng Công ty chịu mọi rủi ro liên quan đến các tài khoản ủy thác.

(v) Đầu tư vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty khác mà Tổng Công ty không có quyền chi phối hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Chi tiết góp vốn cổ phần như sau:

	Tỷ lệ vốn góp tại 31/12/2016	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn góp cổ phần bao gồm:		**VND**	**VND**
Vốn góp vào Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	8,76%	59.289.270.000	59.289.270.000
Vốn góp vào Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	4,42%	38.416.000.000	38.416.000.000
Vốn góp vào Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long	6,00%	10.139.800.000	6.000.000.000
Vốn góp vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu	4,40%	17.600.000.000	17.600.000.000
Vốn góp vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Phú Hưng	2,26%	8.000.000.000	8.000.000.000
Vốn góp vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông ...	8,42%	32.000.000.000	32.000.000.000
Vốn góp vào Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Nam	1,68%	2.695.000.000	2.695.000.000
Vốn góp vào Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương	10,00%	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	5,47%	278.000.000.000	278.000.000.000
		476.140.070.000	**472.000.270.000**

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đánh giá và trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư góp vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 trên cơ sở báo cáo tài chính của các đơn vị nhận đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016. Đối với những đơn vị chưa có báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty sử dụng báo cáo tài chính của kỳ gần nhất thu thập được để đánh giá. Thông tin về cổ phiếu thường đã được nhận đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 của các công ty này như sau:

	Mệnh giá	Số lượng cổ phiếu
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	10.000	353.056
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong	10.000	2.500.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	10.000	381.024
Khách sạn Sài Gòn - Hạ Long	10.000	96.000
Công ty Cổ phần FPT	10.000	32.250
Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Quân đội	10.000	32.050

Thông tin chi tiết về công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina	TP. Hồ Chí Minh	25	25	Bảo hiểm phi nhân thọ

Thông tin tài chính tóm tắt về Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina được trình bày như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng tài sản	1.825.635.499.315	1.930.758.954.110
Tổng công nợ	1.014.424.351.084	1.184.491.849.571
Tài sản thuần	811.211.148.231	746.267.104.539
Phần tài sản thuần Tổng Công ty đầu tư vào liên kết	**202.802.787.058**	**186.566.776.135**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu	250.891.320.409	342.528.350.254
Lợi nhuận thuần	110.009.369.534	125.095.821.144
Phần lợi nhuận thuần của Tổng Công ty trong liên kết	**27.502.342.383**	**31.273.955.286**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Số dư đầu năm	186.566.776.135	167.306.051.992
Phần lợi nhuận sau thuế trong kết quả kinh doanh của công ty liên kết	27.502.342.383	31.273.955.286
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	1.707.031.069
Cổ tức nhận được	(11.266.331.460)	(13.720.262.212)
Số dư cuối năm	**202.802.787.058**	**186.566.776.135**

- Tóm tắt tình hình hoạt động của công ty liên kết trong năm: công ty liên kết trong năm hoạt động ổn định theo lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký.

- Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và công ty liên kết trong năm gồm:

  + Giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina có các giao dịch về nhận, nhượng phí tái bảo hiểm, hoa hồng nhận, nhượng tái bảo hiểm và bồi thường nhận, nhượng tái bảo hiểm.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư được xác định như sau:

- Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán kinh doanh có giao dịch trên thị trường tài chính được xác định theo giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.

- Tổng Công ty không xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư khác không có đủ thông tin trên thị trường để xác định giá trị hợp lý tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	671.608.358.009	702.403.057.743
- Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	*318.381.313.467*	*245.413.218.686*
- Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	*337.470.356.660*	*416.571.252.771*
- Phải thu khác từ nghiệp vụ tái bảo hiểm	*15.756.687.882*	*40.418.586.286*
Phải thu khác của khách hàng	346.204.668.167	333.106.321.998
- Dự thu lãi đầu tư	*87.350.808.582*	*96.504.533.675*
- Phải thu liên quan đến các hợp đồng hoán đổi ngoại tệ	*245.322.000.000*	*224.500.000.000*
- Các khoản phải thu khác	*13.531.859.585*	*12.101.788.323*
	1.017.813.026.176	**1.035.509.379.741**

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn	**167.284.562.994**	**158.476.806.806**
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	162.868.724.418	158.476.806.806
- Số dư đầu năm	*158.476.806.806*	*144.750.901.483*
- Chi phí hoa hồng chưa phân bổ phát sinh trong năm	*344.658.275.586*	*346.672.421.949*
- Chi phí hoa hồng đã phân bổ vào chi phí trong năm	*340.266.357.974*	*332.946.516.626*
- Số dư cuối năm	*162.868.724.418*	*158.476.806.806*
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.415.838.576	-
b) Dài hạn	**1.274.232.265**	**2.737.416.738**
Chi phí mua thẻ golf	1.155.018.932	1.212.037.690
Chi phí trả trước dài hạn khác	119.213.333	1.525.379.048
	168.558.795.259	**161.214.223.544**

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án Paragon Tower	20.620.952.000	20.620.952.000
Dự án Tincom Plaza (360 Giải Phóng)	45.634.254.211	37.775.920.878
	66.255.206.211	**58.396.872.878**

Tài sản dài hạn khác thể hiện các khoản đặt cọc dài hạn cho hợp đồng mua bất động sản. Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng không có sự suy giảm đáng kể về giá trị khoản đặt cọc.

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ	**VND**	**VND**	**VND**	**VND**	**VND**
Số dư đầu năm	15.170.997.037	2.980.277.071	6.677.092.474	285.540.454	25.113.907.036
Tăng trong năm	-	-	37.000.000	-	37.000.000
Số dư cuối năm	**15.170.997.037**	**2.980.277.071**	**6.714.092.474**	**285.540.454**	**25.150.907.036**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	9.249.077.463	2.482.874.509	4.548.458.555	250.181.079	16.530.591.606
Tăng trong năm	607.376.367	205.821.750	1.294.632.641	16.972.500	2.124.803.258
Số dư cuối năm	**9.856.453.830**	**2.688.696.259**	**5.843.091.196**	**267.153.579**	**18.655.394.864**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư cuối năm	**5.314.543.207**	**291.580.812**	**871.001.278**	**18.386.875**	**6.495.512.172**
Số dư đầu năm	**5.921.919.574**	**497.402.562**	**2.128.633.919**	**35.359.375**	**8.583.315.430**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 3.121.726.830 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 3.087.526.830 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Số dư tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 chủ yếu bao gồm nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế của phần mềm tái bảo hiểm.

12. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	**34.055.061.893**	**-**	**-**	**34.055.061.893**
- Nhà (i)	34.055.061.893	-	-	34.055.061.893
Giá trị hao mòn lũy kế	**20.237.249.554**	**1.417.211.522**	**-**	**21.654.461.076**
- Nhà (i)	20.237.249.554	1.417.211.522	-	21.654.461.076
Giá trị còn lại	**13.817.812.339**	**-**	**-**	**12.400.600.817**
- Nhà	13.817.812.339	-	-	12.400.600.817

(i) Thể hiện phần giá trị của Tòa nhà tại số 141 Lê Duẩn tương ứng với phần diện tích cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cần được trình bày. Theo đánh giá của Tổng Công ty, giá trị bất động sản đầu tư đang ghi nhận trên sổ sách kế toán đã phản ánh giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	607.989.414.980	598.807.995.047
- Phải trả hoạt động nhận tái bảo hiểm	*229.001.466.355*	*193.579.100.580*
- Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	*369.980.894.859*	*365.873.692.786*
- Phải trả khác về nghiệp vụ tái bảo hiểm	*9.007.053.766*	*39.355.201.681*
Phải trả khác cho người bán	257.502.938.458	237.726.246.783
- Tạm thu thuế nhà thầu 2% phí tái bảo hiểm ra nước ngoài	*7.359.399.849*	*10.159.550.306*
- Phải trả khác liên quan đến hợp đồng hoán đổi ngoại tệ	*247.769.600.000*	*224.559.970.000*
- Phải trả khác	*2.373.938.609*	*3.006.726.477*
	865.492.353.438	**836.534.241.830**

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	82.808.521	1.624.931.421	1.517.354.664	190.385.278
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.687.964.277	47.388.463.218	46.594.766.144	8.481.661.351
Thuế thu nhập cá nhân	20.879.655	6.534.514.109	6.205.712.661	349.681.103
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Thuế, phí phải nộp khác	92.030.890	2.509.501.592	2.568.541.570	32.990.912
Cộng	**7.883.683.343**	**58.061.410.340**	**56.890.375.039**	**9.054.718.644**

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	**118.071.345.335**	**175.233.249.129**
Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	112.089.806.982	104.434.105.144
- Số dư đầu năm	*104.434.105.144*	97.838.561.942
- Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng phát sinh trong năm	*227.498.858.783*	*213.280.691.234*
- Doanh thu hoa hồng đã phân bổ vào thu nhập trong năm	*219.843.156.945*	*206.685.148.032*
- Số dư cuối năm	*112.089.806.982*	*104.434.105.144*
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	5.981.538.353	70.799.143.985
Cổ tức phải trả	-	*65.646.669.500*
Phải trả, phải nộp khác	*5.981.538.353*	*5.152.474.485*
b) Dài hạn	**3.216.822.676**	**2.864.775.901**
Ký quỹ, ký cược dài hạn	3.216.822.676	2.864.775.901
	121.288.168.011	**178.098.025.030**

16. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

Dự phòng bồi thường và dự phòng phí chưa được hưởng	Số đầu năm Dự phòng nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng nhận tái bảo hiểm thuần VND
I. Hoạt động chính			
1. Dự phòng bồi thường	1.569.647.935.058	1.174.195.287.768	395.452.647.290
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	*1.486.870.046.517*	*1.119.493.568.678*	*367.376.477.839*
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	*82.777.888.541*	*54.701.719.090*	*28.076.169.451*
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	789.464.591.202	538.028.932.731	251.435.658.471
II. Hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp			
1. Dự phòng bồi thường	13.136.846.340	11.877.324.687	1.259.521.653
Dự phòng cho các yêu cầu đòi bồi thường chưa giải quyết	*13.136.846.340*	*11.877.324.687*	*1.259.521.653*
Dự phòng cho các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa thông báo	-	-	-
2. Dự phòng phí chưa được hưởng	-	-	-
	2.372.249.372.600	**1.724.101.545.186**	**648.147.827.414**

Trong đó chi tiết:

Dự phòng bồi thường	Năm nay Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm VND	Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm thuần VND
I. Hoạt động chính			
Số dư đầu năm	1.824.197.799.139	1.440.993.545.027	383.204.254.112
Số hoàn nhập trong năm	(254.549.864.081)	(266.798.257.259)	12.248.393.178
II. Hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp			
Số dư đầu năm	10.046.160.552	9.090.478.059	955.682.493
Số tăng trong năm	3.090.685.788	2.786.846.628	303.839.160
Số dư cuối năm	**1.582.784.781.398**	**1.186.072.612.455**	**396.712.168.943**

Dự phòng phí chưa được hưởng	Năm nay Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm thuần
	VND	VND	VND
I. Hoạt động chính			
Số dư đầu năm	749.438.122.314	490.182.251.446	259.255.870.868
Số trích lập trong năm	40.026.468.888	47.846.681.285	(7.820.212.397)
II. Hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp			
Số dư đầu năm	649.870.573	392.763.725	257.106.848
Số (hoàn nhập) trong năm	(649.870.573)	(392.763.725)	(257.106.848)
Số dư cuối năm	**789.464.591.202**	**538.028.932.731**	**251.435.658.471**

Dự phòng dao động lớn	Năm nay VND	Năm trước VND
I. Hoạt động chính		
Số dư đầu năm	165.875.947.082	147.472.628.310
Số tăng trong năm	16.845.701.670	18.403.318.772
II. Hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp		
Số dư đầu năm	8.876.683.166	6.460.168.954
Số tăng trong năm	-	2.416.514.212
Số dư cuối năm	**191.598.331.918**	**174.752.630.248**

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	**1.310.759.370.000**	**566.368.537.309**	**187.779.081.159**	**93.255.808.614**	**489.126.408.365**	**2.647.289.205.447**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	242.587.261.636	242.587.261.636
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ	-	-	4.091.631.552	10.229.078.879	(20.753.423.100)	(6.432.712.669)
Chia cổ tức cho cổ đông	-	-	-	-	(262.151.874.000)	(262.151.874.000)
Tăng khác	-	-	-	-	1.707.031.070	1.707.031.070
Số dư đầu năm nay	**1.310.759.370.000**	**566.368.537.309**	**191.870.712.711**	**103.484.887.493**	**450.515.403.971**	**2.622.998.911.484**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	239.776.750.523	239.776.750.523
Phân bổ lợi nhuận vào các quỹ (i)	-	-	4.377.143.293	10.942.858.232	(22.118.004.532)	(6.798.003.007)
Chia cổ tức cho cổ đông (i)	-	-	-	-	(131.075.937.000)	(131.075.937.000)
Số dư cuối năm nay	**1.310.759.370.000**	**566.368.537.309**	**196.247.856.004**	**114.427.745.725**	**537.098.212.962**	**2.724.901.722.000**

(i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam số 09/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2016, Tổng Công ty đã công bố chia cổ tức đợt 2 năm 2015 theo tỷ lệ 10% vốn chủ sở hữu từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối cho các cổ đông tương đương với số tiền là 131.075.937.000 VND, đồng thời Tổng Công ty tạm trích lập các quỹ từ lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 với số tiền là 22.118.004.532 VND. Quyết định cuối cùng về phân phối lợi nhuận năm 2016 sẽ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông sắp tới.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng số vốn thực góp của các cổ đông và thặng dư vốn cổ phần như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND		VND	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	**1.310.759.370.000**	**100%**	**1.310.759.370.000**	**100%**
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	529.060.350.000	40,36%	529.060.350.000	40,36%
Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re	327.689.890.000	25,00%	327.689.890.000	25,00%
Các cổ đông khác	454.009.130.000	34,64%	454.009.130.000	34,64%
Thặng dư vốn cổ phần	**566.368.537.309**		**566.368.537.309**	
	1.877.127.907.309		**1.877.127.907.309**	

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	131.075.937	131.075.937
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	131.075.937	131.075.937
Cổ phiếu phổ thông	*131.075.937*	*131.075.937*

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

18. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Phí nhận tái bảo hiểm	1.686.382.751.821	1.649.647.980.742
Bảo hiểm năng lượng	*14.931.056.636*	*17.240.850.443*
Bảo hiểm thân tàu và P&I	*265.804.396.918*	*262.340.042.615*
Bảo hiểm hàng hoá	*154.435.626.619*	*238.056.735.359*
Bảo hiểm kỹ thuật	*297.360.530.468*	*283.699.986.619*
Bảo hiểm tài sản, cháy nổ	*506.457.060.971*	*531.554.892.307*
Bảo hiểm hàng không	*34.927.362.280*	*30.971.749.144*
Bảo hiểm khác	*412.466.717.929*	*285.783.724.255*
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(30.824.981.015)	(32.505.767.835)
Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	40.026.468.888	52.800.308.751
	1.615.531.301.918	**1.564.341.904.156**

19. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	1.105.217.404.169	1.018.776.094.545
Bảo hiểm năng lượng	*10.744.569.180*	*11.425.647.435*
Bảo hiểm thân tàu và P&I	*183.010.393.950*	*176.010.206.911*
Bảo hiểm hàng hoá	*36.339.439.711*	*47.303.332.044*
Bảo hiểm kỹ thuật	*151.586.092.368*	*142.052.432.428*
Bảo hiểm tài sản, cháy nổ	*370.130.061.978*	*404.841.512.021*
Bảo hiểm hàng không	*33.636.255.823*	*29.163.419.742*
Bảo hiểm khác	*319.770.591.159*	*207.979.543.964*
Thu hoàn phí nhượng tái bảo hiểm	(11.183.022.376)	(15.077.840.730)
Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	47.846.681.285	26.221.332.412
	1.046.187.700.508	**977.476.921.403**

20. DOANH THU KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu khác nhận tái bảo hiểm	**84.024.987.360**	**106.579.970.343**
Dự phòng bồi thường hoàn trả	84.024.987.360	104.787.629.337
Các khoản thu khác	-	1.792.341.006
Thu khác nhượng tái bảo hiểm	**91.265.805.286**	**91.636.679.462**
Dự phòng bồi thường giữ lại	85.832.433.984	86.875.754.388
Các khoản thu khác	5.433.371.302	4.760.925.074
	175.290.792.646	**198.216.649.805**

21. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi bồi thường	960.920.990.969	1.074.032.964.965
Bảo hiểm năng lượng	*12.143.637.282*	*17.186.851.530*
Bảo hiểm thân tàu và P&I	*113.643.707.791*	*157.504.972.745*
Bảo hiểm hàng hoá	*95.440.735.643*	*146.750.697.408*
Bảo hiểm kỹ thuật	*161.994.299.142*	*146.527.858.847*
Bảo hiểm tài sản, cháy nổ	*338.547.336.086*	*460.905.592.252*
Bảo hiểm hàng không	*3.511.910.639*	*4.365.396.986*
Bảo hiểm khác	*235.639.364.386*	*140.791.595.197*
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	700.149.869.512	742.339.034.035
(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	(254.549.864.081)	265.115.068.515
(Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	(266.798.257.259)	267.470.688.657
	273.019.514.635	**329.338.310.788**

22. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi khác nhận tái bảo hiểm	**112.918.557.976**	**116.865.746.659**
Dự phòng bồi thường giữ lại	100.448.863.791	114.924.489.294
Các khoản chi khác	12.469.694.185	1.941.257.365
Chi khác nhượng tái bảo hiểm	**75.306.856.227**	**95.697.528.503**
Dự phòng bồi thường hoàn trả	74.894.920.048	93.339.796.831
Các khoản chi khác	411.936.179	2.357.731.672
	188.225.414.203	**212.563.275.162**

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	130.604.213.085	139.177.621.215
Cổ tức và lợi nhuận được chia	22.011.843.100	20.057.437.220
Lãi công trái, trái phiếu	15.910.106.850	12.704.089.041
Lãi từ ủy thác đầu tư	22.979.708.630	20.138.446.897
Lãi từ chênh lệch tỷ giá	17.028.733.911	20.451.990.986
Lãi kinh doanh chứng khoán	4.692.241.984	1.877.541.316
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	384.449.138	413.853.447
Doanh thu tài chính khác	2.726.224.431	-
	216.337.521.129	**214.820.980.122**

24. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá	16.828.543.651	10.187.486.860
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	8.478.342.899	102.081.484
(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư	(18.293.355.757)	(26.325.246.500)
Chi phí tài chính khác	18.894.201.981	12.909.544.126
	25.907.732.774	**(3.126.134.030)**

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	46.769.679.564	48.695.160.438
Chi phí văn phòng	796.047.537	738.849.145
Chi khấu hao tài sản cố định	9.267.965.861	9.435.125.672
Chi các khoản thuế, phí, lệ phí	2.541.652.726	518.337.584
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	10.041.695.659	(7.306.315.289)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.012.134.564	4.009.393.278
Chi phí giao dịch, hội nghị, quảng cáo	9.326.180.267	5.531.260.707
Chi phí quản lý khác	57.018.984	3.783.125.748
	88.812.375.162	**65.404.937.283**

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	818.356.988.482	893.251.421.348
Chi phí nhân viên	46.769.679.564	48.695.160.438
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.267.965.861	9.435.125.672
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.012.134.564	4.009.393.278
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng	10.041.695.659	(7.306.315.289)
Chi phí khác bằng tiền	12.720.899.514	10.571.573.184
	907.169.363.644	**958.656.358.631**

27. THỰC HIỆN THÍ ĐIỂM BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

Ngày 01 tháng 3 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 315/QĐ-TTg về việc thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp giai đoạn 2011 - 2013 nhằm hỗ trợ cho người sản xuất nông nghiệp chủ động khắc phục và bù đắp thiệt hại tài chính do hậu quả của thiên tai, dịch bệnh gây ra, góp phần bảo đảm ổn định an sinh xã hội nông thôn, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp. Theo Quyết định này, Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam có trách nhiệm nhận tái bảo hiểm nông nghiệp theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Ngày 17 tháng 8 năm 2011, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 121/2011/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Thông tư này, nguyên tắc triển khai thí điểm là các doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam triển khai thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo nguyên tắc không vì mục tiêu lợi nhuận. Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm hạch toán tách biệt doanh thu, chi phí từ hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp với các hoạt động khác và hoạt động bảo hiểm nông nghiệp mà doanh nghiệp bảo hiểm đang triển khai. Phần phí bảo hiểm giữ lại trong năm sau khi đã trừ đi các khoản chi phí theo quy định, được dùng để bổ sung vào dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất.

Ngày 20 tháng 6 năm 2012, Bộ Tài chính tiếp tục ban hành Thông tư số 101/2012/TT-BTC quy định một số vấn đề về tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp theo Quyết định số 315/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ. Theo Thông tư này, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm có trách nhiệm theo dõi riêng khoản lỗ hàng năm từ hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

Trong năm, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm lỗ từ hoạt động triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm hạch toán khoản lỗ này vào kết quả hoạt động kinh doanh chung của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Trong trường hợp bị lỗ do lỗ của hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp thì được chuyển lỗ sang năm sau theo quy định của pháp luật.

Từ năm 2012, Tổng Công ty bắt đầu nhận tái bảo hiểm cho hoạt động bảo hiểm nông nghiệp thí điểm. Lỗ lũy kế của hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đến ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 42.015.277.691 VND.

Theo Quyết định số 315/QĐ-TTg, hoạt động thực hiện thí điểm bảo hiểm nông nghiệp đã kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty đang thực hiện các thủ tục để quyết toán hoạt động này với Bộ Tài chính. Quyết định cuối cùng về kết quả hoạt động thí điểm bảo hiểm nông nghiệp của Tổng Công ty sẽ phụ thuộc vào phê duyệt của Bộ Tài chính.

28. HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM TÀU KHAI THÁC HẢI SẢN XA BỜ

Ngày 07 tháng 7 năm 2014, Chính phủ ban hành Nghị định số 67/2014/NĐ-CP về một số chính sách phát triển thủy sản, trong đó quy định chính sách bảo hiểm đối với đội tàu khai thác hải sản xa bờ ("bảo hiểm tàu cá"). Cùng với các công ty bảo hiểm trong nước, Tổng Công ty tham gia loại hình bảo hiểm này với mục đích hỗ trợ thị trường và thực hiện các mục tiêu, chính sách của Chính phủ.

Ngày 20 tháng 8 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 116/2014/TT-BTC hướng dẫn một số vấn đề về tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện bảo hiểm theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP nói trên. Theo quy định tại Thông tư số 116/2014/TT-BTC, kết quả kinh doanh hoạt động bảo hiểm tàu cá được hạch toán chung vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm. Doanh nghiệp có trách nhiệm theo dõi riêng doanh thu, chi phí, kết quả hoạt động kinh doanh của loại hình bảo hiểm này. Trường hợp cuối kỳ quyết toán có chênh lệch dương từ hoạt động kinh doanh, doanh nghiệp bảo hiểm chuyển toàn bộ khoản chênh lệch này vào quỹ dự phòng dao động lớn.

Trong năm 2016, tổng chênh lệch âm từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm tàu cá là 2.287.963.793 VND được kết chuyển vào hoạt động kinh doanh trong năm.

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	**287.170.359.088**	**290.783.544.825**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(54.182.485.438)	(71.709.258.192)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.162.471.572	5.267.480.465
Cộng: (Lãi)/ Lỗ của công ty con thuộc lợi ích cổ đông không kiểm soát	(208.029.130)	1.511.331.203
Thu nhập chịu thuế	**236.942.316.092**	**225.853.098.301**
Thuế suất thông thường	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	**47.388.463.218**	**49.687.681.626**
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	**(202.883.783)**	**19.932.765**

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Đơn vị	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	VND	239.984.779.653	241.075.930.434
Trừ số trích quỹ khen thưởng phúc, lợi ước tính	VND	6.798.003.007	6.432.712.669
Trừ lãi/(lỗ) công ty con phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	VND	208.029.130	(1.511.331.203)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	**VND**	**232.978.747.516**	**236.154.548.968**
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	Cổ phiếu	131.075.937	131.075.937
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**VND**	**1.777**	**1.802**

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp dẫn đến việc điều chỉnh hồi tố lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 do ảnh hưởng của việc loại trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty chỉ bao gồm vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.029.558.127	215.489.620.218
Phải thu khách hàng	961.424.021.468	987.856.178.261
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.186.072.612.455	1.450.084.023.086
Đầu tư ngắn hạn	2.045.815.094.125	1.974.741.015.580
Đầu tư dài hạn	1.040.980.809.834	864.369.487.155
Tổng cộng	**5.309.322.096.009**	**5.492.540.324.300**
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	858.132.953.589	892.021.361.024
Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	1.582.784.781.398	1.834.243.959.691
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.216.822.676	2.864.775.901
Tổng cộng	**2.444.134.557.663**	**2.729.130.096.616**

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tái bảo hiểm, rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro tái bảo hiểm

Rủi ro hoạt động khai thác nhận bảo hiểm là các rủi ro từ danh mục rủi ro mà Tổng Công ty nhận tái bảo hiểm. Mức độ các rủi ro này chủ yếu ảnh hưởng do chất lượng quá trình khai thác:

i) Đánh giá rủi ro nhận tái bảo hiểm;
ii) Định giá, xác định khả năng nhận tái bảo hiểm;
iii) Điều kiện và điều khoản áp dụng; và
iv) Kiểm soát mức độ tập trung rủi ro và các rủi ro thảm họa.

Mục tiêu chính của quản trị rủi ro trong lĩnh vực khai thác là nhằm nâng cao chất lượng của danh mục rủi ro nhận bảo hiểm bằng cách thực hiện đầy đủ và tốt nhất có thể các bước nêu trên. Theo đó, các rủi ro từ hoạt động khai thác bảo hiểm có thể bao gồm:

+ Đánh giá rủi ro nhận tái bảo hiểm không đầy đủ, điều kiện và điều khoản áp dụng không phù hợp;
+ Định phí bảo hiểm không tương đương với mức độ rủi ro nhận tái bảo hiểm;
+ Chính sách nhượng tái bảo hiểm không phù hợp;
+ Quy trình xử lý bồi thường không hợp lý;
+ Trích lập các khoản dự phòng không đầy đủ;
+ Không thu đòi được các khoản phải thu nhượng tái bảo hiểm.

Mục tiêu, chính sách và các quy trình Quản lý rủi ro bảo hiểm

Mục tiêu cuối cùng của việc quản lý rủi ro bảo hiểm là kiểm soát các sự kiện về mặt nghiệp vụ bảo hiểm có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính, vốn chủ sở hữu và kết quả kinh doanh của Tổng Công ty.

Chính sách quản trị rủi ro của Tổng Công ty được thiết lập thông qua việc xác định các giới hạn rủi ro cho phép và cụ thể hóa Hướng dẫn khai thác bảo hiểm/nhận tái bảo hiểm của Tổng Công ty như hướng dẫn khai thác nhận/nhượng tái bảo hiểm cố định/tạm thời, và hướng dẫn giải quyết bồi thường.

Tổng Công ty đã thiết lập hệ thống quản lý rủi ro bảo hiểm ở nhiều cấp bậc khác nhau từ các phòng ban nghiệp vụ bảo hiểm đến toàn bộ Tổng Công ty để đảm bảo hiệu quả của hoạt động quản lý rủi ro. Ban quản trị rủi ro đóng vai trò quan trọng trong quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm, có nhiệm vụ kết nối và đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng ban nghiệp vụ, Ban Lãnh đạo và Hội đồng quản trị của Tổng Công ty.

Hoạt động quản trị rủi ro bảo hiểm được giám sát từ các cấp lãnh đạo thông qua các hướng dẫn khai thác bảo hiểm/tái bảo hiểm, và các tiêu chuẩn quản trị rủi ro. Quy trình báo cáo cũng được thiết lập từ cấp thấp nhất và được thực hiện định kỳ hàng tuần, hàng tháng, hàng quý nhằm đảm bảo hiệu quả giám sát. Các quy trình quản trị rủi được thực hiện một cách có hệ thống để xác định, đo lường, kiểm soát và xử lý rủi ro nhằm đảm bảo các chỉ số đo lường rủi ro không vượt quá giới hạn cho phép.

Tổng Công ty áp dụng nhiều biện pháp khác nhau trong việc phát hiện các rủi ro bảo hiểm bao gồm các phương pháp đánh giá rủi ro, thảo luận thông qua các cuộc họp nội bộ, và kinh nghiệm của các chuyên gia. Tùy thuộc vào các hoàn cảnh thực tế và đặc điểm của rủi ro cần đo lường, xác định, các biện pháp đo lường định lượng và định tính khác nhau sẽ được áp dụng. Biện pháp đo lường định tính chủ yếu bao gồm việc đánh giá rủi ro của các chuyên gia khai thác đối với từng nghiệp vụ đơn lẻ hoặc các danh mục rủi ro. Các biện pháp đo lường định lượng bao gồm việc định giá, phân tích danh mục rủi ro thông qua các thống kê quá khứ (mức phí, loại hình rủi ro, tổn thất,...).

Các kế hoạch nhận và nhượng tái bảo hiểm giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì và đảm bảo mức độ rủi ro của Tổng Công ty luôn nằm trong hạn mức rủi ro cho phép. Vì vậy, bên cạnh việc đặt ra các hạn mức rủi ro phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trong từng thời kỳ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng trực tiếp chịu trách nhiệm phê duyệt các kế hoạch nhận và nhượng tái bảo hiểm cố định hàng năm.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và giá.

Trong năm, Tổng Công ty đã tham gia vào các giao dịch hoán đổi tiền tệ với các ngân hàng để thực hiện phòng ngừa rủi ro về tỷ giá hối đoái.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Nhằm đảm bảo nguồn ngoại tệ trong thanh toán tái bảo hiểm, Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	784.145.776.097	816.113.763.292	385.810.382.838	434.852.975.951
Euro (EUR)	4.452.085.435	4.647.250.416	829.359.140	937.341.728
Bảng Anh (GBP)	6.273.683	6.450.673	14.273.797	14.279.909
Đô la Úc (AUD)	6.260.679	6.548.874	-	2.329.852
Đô la Singapore (SGD)	38.420.343	42.367.262	19.841.884	24.978.749
Yên Nhật (JPY)	280.835.199	579.946.344	94.571.524	95.909.458

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ và Euro.

Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	19.916.769.663	19.063.039.367
Euro (EUR)	181.136.315	185.495.434

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là tái bảo hiểm nên rủi ro tín dụng của Tổng Công ty tập trung vào các đối tượng khách hàng kinh doanh bảo hiểm gốc. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khách hàng. Tổng Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng rủi ro tín dụng đầy đủ cho các khoản phải thu này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	75.029.558.127	-	-	75.029.558.127
Phải thu khách hàng	961.424.021.468	-	-	961.424.021.468
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.186.072.612.455	-	-	1.186.072.612.455
Đầu tư ngắn hạn	2.045.815.094.125	-	-	2.045.815.094.125
Đầu tư dài hạn	-	566.799.388.303	474.181.421.531	1.040.980.809.834
Tổng cộng	**4.268.341.286.175**	**566.799.388.303**	**474.181.421.531**	**5.309.322.096.009**
Số cuối năm				
Phải trả người bán và phải trả khác	858.132.953.589	-	-	858.132.953.589
Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	1.582.784.781.398	-	-	1.582.784.781.398
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	3.216.822.676	-	3.216.822.676
Tổng cộng	**2.440.917.734.987**	**3.216.822.676**	**-**	**2.444.134.557.663**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**1.827.423.551.188**	**563.582.565.627**	**474.181.421.531**	**2.865.187.538.346**

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	215.489.620.218	-	-	215.489.620.218
Phải thu khách hàng	987.856.178.261	-	-	987.856.178.261
Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	1.450.084.023.086	-	-	1.450.084.023.086
Đầu tư ngắn hạn	1.974.741.015.580	-	-	1.974.741.015.580
Đầu tư dài hạn	-	395.051.872.870	469.317.614.285	864.369.487.155
Tổng cộng	**4.628.170.837.145**	**395.051.872.870**	**469.317.614.285**	**5.492.540.324.300**
Số đầu năm				
Phải trả người bán và phải trả khác	892.021.361.024	-	-	892.021.361.024
Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	1.834.243.959.691	-	-	1.834.243.959.691
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	2.864.775.901	-	2.864.775.901
Tổng cộng	**2.726.265.320.715**	**2.864.775.901**	**-**	**2.729.130.096.616**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**1.901.905.516.430**	**392.187.096.969**	**469.317.614.285**	**2.763.410.227.684**

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	Cổ đông lớn
Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re	Cổ đông lớn
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina	Công ty liên kết

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re		
Phí nhượng tái bảo hiểm	192.186.277.177	191.853.859.822
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	57.984.946.896	56.501.301.450
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	128.755.161.324	120.241.563.905
Cổ tức đã trả	49.153.483.500	49.153.483.500
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh		
Phí nhượng tái bảo hiểm	80.838.873.156	79.519.166.483
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	18.052.103.709	18.353.002.139
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	61.842.099.632	69.304.253.152
Phí nhận tái bảo hiểm	122.347.645.681	120.587.460.210
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	27.634.245.210	27.806.624.774
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	128.478.881.379	89.788.633.477
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina		
Phí nhượng tái bảo hiểm	660.421.090	353.123.706
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	229.364.390	99.333.049
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	713.969.640	5.086.606.057
Phí nhận tái bảo hiểm	125.519.371.519	182.467.387.074
Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	25.267.554.252	38.525.260.011
Bồi thường nhận tái bảo hiểm	218.178.800.051	285.294.876.880
Cổ tức nhận được	11.266.331.460	13.720.262.212
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước		
Cổ tức đã trả	79.359.052.500	79.359.052.500
Ban Tổng Giám đốc		
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm	6.120.091.756	4.874.870.614

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tập đoàn Tái bảo hiểm Swiss Re		
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	25.903.088.783	30.572.635.960
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	31.056.314.263	28.433.346.197
Phải trả cổ tức	-	16.384.494.500
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh		
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	23.440.118.803	32.018.153.005
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	26.931.803.881	48.876.894.169
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	38.154.412.640	16.963.039.529
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	18.737.586.375	27.500.472.045
Công ty TNHH Bảo hiểm Samsung Vina		
Phải thu về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	2.611.924.141	6.260.987.951
Phải thu về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	211.198.065	1.513.383.080
Phải trả về nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm	980.251.389	55.704.609.915
Phải trả về nghiệp vụ nhượng tái bảo hiểm	163.404.126	33.717.332
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước		
Phải trả cổ tức	-	26.453.017.500

33. ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Đơn vị	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	21,66	18,36
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	78,34	81,64
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	56,61	58,96
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	43,39	41,04
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,39	1,39
2.2. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,59	0,58

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm nay	Năm trước
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	24,02	23,79
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	20,07	19,73
3.2. Tỷ suất lợi nhuận/tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	4,52	4,50
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	3,78	3,73
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	8,81	9,19

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN KINH DOANH

Hoạt động chính của Tổng Công ty là kinh doanh tái bảo hiểm và đầu tư từ nguồn vốn nhàn rỗi, hoạt động đầu tư này là một khâu trong chu kỳ kinh doanh tái bảo hiểm. Các khoản đầu tư vào các lĩnh vực kinh doanh khác là không đáng kể. Do đó, Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng việc không lập báo cáo theo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

35. BẢNG TỔNG HỢP SỐ LIỆU VỀ TÌNH HÌNH BỒI THƯỜNG

	Năm tổn thất			
Năm bồi thường	2014	2015	2016	Tổng số
	VND	VND	VND	VND
I. Số ước tính chi bồi thường lũy kế				
Số ước tính chi bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (1)	**346.170.489.847**	**237.913.771.523**	**124.114.956.400**	**708.199.217.770**
II. Số đã chi trả bồi thường lũy kế				
Vào cuối năm tổn thất	49.497.356.761	34.833.941.435	28.175.082.983	112.506.381.179
1 năm sau	157.297.618.097	102.927.202.983	-	260.224.821.080
2 năm sau	83.481.759.860	-	-	83.481.759.860
Số đã chi trả bồi thường lũy kế đến năm hiện tại (2)	**290.276.734.718**	**137.761.144.418**	**28.175.082.983**	**456.212.962.118**
III. Dự phòng bồi thường chưa giải quyết (3)=(1)-(2)	**55.893.755.130**	**100.152.627.105**	**95.939.873.417**	**251.986.255.651**
Dự phòng bồi thường chưa giải quyết cho các năm trước				115.390.222.188
Tổng dự phòng bồi thường chưa giải quyết tại ngày cuối năm				**367.376.477.839**

Nguyễn Thành Công	Lưu Thị Việt Hoa	Phạm Công Tứ
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2017